**Tuần 1- Buổi 1 + Buổi 2**:

**ÔN TẬP VỀ TỪ VÀ NGHĨA CỦA TỪ**

**I. Mục tiêu bài học**

**\_** HS ôn tập và củng cố kiến thức về từ và nghĩa của từ.

\_ Biết vận kiến thức đã học vào thực tiễn giao tiếp và cuộc sống hàng ngày.

**II. CHUẨN BỊ**

Gv: Tham khảo tài liệu ,soạn giáo án

Tích hợp một số văn bản đã học

Hs: Ôn tập lại kiến thức

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**1. Ổn định**

**2. Bài cũ**

**3. Bài mới**

***\*Giới thiệu bài***

***\*Tiến trình hoạt động***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần I: Kiến thức cũ**  ***\* GV cho HS nhắc lại khái niệm từ đồng nghĩa? Cách sử dụng?***  ***Xác định và phân loại các từ đồng nghĩa trong các ngữ cảnh sau:***  1*. Non xa xa nước xa xa*  *Nào phải thênh thang mới gọi là*  *Đây suối Lê nin, kia núi Mác,*  *Hai tay xây dựng một sơn hà*  *2. Đi tu phật bắt ăn chay*  *Thịt chó ăn được thịt cầy thì không*  *3. Anh diệt viện, em bao vây*  *Làm cho giặc phải nbó tay xin hàng*  *Mày không hàng, ông phang kì chết,*  *Ông quật đằng đầu, ông phết đằng chân,*  *Tội mày bắc núi mà cân,*  *Đánh mày cho hả lòng dân căm thù.*  *(Ca dao kháng chiến chống Pháp)*  ***Chỉ ra từ đồng nghĩa trong các câu văn sau? Và nhận xét về cách sử sụng các từ đồng nghĩa đó?***  A1. Cửa hàng *thuốc* tân *dược* Sao Mai.  A2. *Tái* hiện *lại* cuộc chia tay.  A3. Chúc mừng *ngày* sinh *nhật* của bạn.  B1. Chúng ta phải có kế hoạch dự chi trước cho các hoạt động của năm học.  B2.Đường quốc lộ 1A  Bàn thêm về từ kiều trong câu ca dao:  *Muốn sang thì bắc cầu kiều*  *Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*  Trong câu ca dao trên có ba khả năng: - Cầu kiều=cầu cầu(nghĩa này vô lí, vô nghĩa). Có ý kiến cho rằng cầu cầulà nhiều cái cầu! Nhưng ý kiến này chưa thuyết phục.  - Cầu kiều=cầu đẹp. Một cái cầu đẹp, trang tọng để đến với thầy(người hiện thân của tri thức và đạo lí). Nghĩa rộng hơn: tình cảm tôn sư trọng đạo(bắc cầu)  - Cầu kiều là tên riêng của cái cầu(cầu Kiều Mai- tên một thôn thuộc xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm- Hà Nội  ***Từ trái nghĩa có những tác dụng gì? Trong những lĩnh vực nào?***  - Đối với việc học tập bộ môn ngữ văn:  + Phải hiêu và giải thích được nghĩa của từ  + Mở rộng vốn từ, chính xác hoá vốn từ  - Đối với giao tiếp hàng ngày  - Trong sáng tác thơ văn: hầu hết các tác phẩm văn học đông tây kim cổ đều sử dụng từ trái nghĩa làm phương tiện để biểu đạt tư tươngt, tình cảm và khai thác nó như một trò chơi ngôn ngữ độc đáo, thú vị.  ***Tìm những từ trái nghĩa với các từ sau:***  ***- dũng cảm, sống, nóng, yêu, nao núng, cao thượng***  Tìm các từ trái nghĩa với từ *lành trong các trường hợp sau?*  Xác định cặp từ trái nghĩa trong các ngữ cảnh sau:  ***\* GV cho HS nhắc lại khái niệm từ đồng âm?***  Là những từ có âm thanh giống nhau nhưng ý nghĩa khác xa nhau  ***Giải thích ý nghĩa của các từ đồng âm sau và đặt câu với các từ đồng âm đó(Mỗi câu có hai từ)***  ***Giải thích ý nghĩa của các từ đồng âm sau:la, ga, đầm***  ***Đặt câu với các từ đồng âm ở bài 2***  ***Thống kê các nét nghĩa của từ già qua các từ ngữ sau:***  a. cau già, người già, trâu già,  b. già làng, già đời, cáo già, bố già  c. già một cân, non một lít, cho già tay một chút.  ***Nghĩa của thành ngữ có thể hiểu bằng những cách nào?***  ***Tìm các thành ngữ được hiểu theo các phép chuyển nghĩa***?  ***- Nước biếc non xanh*** thuyền gối bãi  Đêm thanh nguyệt bạc, khách lên lầu  - Non xanh nước biếc tha hồ dạo  Rượu ngọt chè tươi mặc sức say  - Cuối cảnh báo ân báo oán trong Truyện Kiều, Nguyễn Du vừa gợi tả cảnh pháp truờng vừa chỉ rõ quy luật ác giả, ác báo. Hàng loạt thành ngữ được sử dụng một cách ấn tượng:  Lệnh quân truyến xuống nội đao  Thề sao thì lại cứ sao gia hình  *Máu rơi thịt nát* tan tành  Ai ai trông thấy *hồn kinh phách rời*  Cho hay *muôn sự tại trời*,  1. Vóc: là từ cổ, nay còn dùng trong các từ tầm vóc, sức vóc  Trong thành ngữ này hiểu vóc: là lớn người thì hợp lí hơn  2. cẩn: cẩn thận, tắc: thì, là, ắt, vô: không, ưu: lo lắng  3. Cù: siêng năng, lao: khó nhọc. Chín chữ cù lao ấy là: sinh: đẻ, cúc: nâng đỡ, phủ: vuốt ve, súc: cho bú mớm lúc nhỏ, trưởng: nuôi cho lớn, dục: dạy dỗ, cố: trông nom, phục: xem tính nết mà dạy bảo cho thành người tốt, phúc: giữ gìn  4. Hậu sinh: sinh sau, thế hệ sau  Khả: có thể, đáng  Uý: sợ  Xấu như ma lem  Vắt cổ chày ra nước:  Tục ngữ:  - Một lời nói, một gói vàng  Đồng dao:  - ăn một bát cơm,  nhớ người cày ruộng  Ăn đĩa rau muống  Nhớ người đào ao  ***Chỉ ra các câu rút gọn trong đoạn văn sau và cho biết những câu đó rút gọn thành phần nào, hãy khôi lại các thành phần bị lược bỏ?***  “Cái Mị về một mình. Bóng nó cứ ngụp dần trên cánh đồng xa tít tắp đang gặt nham nhở. Tôi cầm liềm. Quơ một vòng sát chân rạ. Giật mạnh. Bước sang trái. Quơ liềm. Giật mạnh. lại bước sang trái. Lại quơ liềm. Lại giật mạnh. Cứ thế mãi. Đất trên mặt ruộng ẩm ướt.”  (Thương nhớ đồng quê- Nguyễn Huy Thiệp)  ***Trong hai đoạn đối thoại sau tại sao có đoạn dùng câu rút gọn, có đoạn lại không thể dùng câu rút gọn:***  ***Đoạn a***  - Lan ơi! Bao giờ bạn đến nhà mình chơi?  - Chủ nhật.  Ngọc hỏi lại: mấy giờ?  - 8 giờ sáng.  - Nhớ mang sách cho tớ nhé  ***Đoạn b***  Bà nội nhìn cháu và khẽ hỏi: - Lan…Mấy giờ cháu đến truờng?  - Thưa bà: Cháu đi ngay bây giờ ạ!  - Cháu có nhớ lòi mẹ cháu dặn sáng nay không?  - Dạ, thưa bà, cháu nhớ ạ.  ***Viết một đoạn hội thoại ngắn( 7- 10 câu), trong đó có sử dụng câu rút gọn. Gạch chân dưới các câu rút gọn đó.***  ***\* GV cho HS nhắc lại khái niệm câu đặc biệt và tác dụng của nó?***  Dạng này thường gặp trong nhật kí, kịch bản, phóng sự…  Nghĩa là không chỉ ra vị trí hoặc thời gian sự việc, hiện tượng tồn tại, xuất hiện, tiêu biến…  ***Xác định câu đặc biệt cùng cấu tạo và tác dụng của nó trong các VD sau:***  - Chửi. Đấm. Đá. Thụi. Bịch. Cẳng chân. Cẳng tay.  (Nguyễn Công Hoan)  - Sài Gòn. Mùa xuân năm 1975. các cánh quan đã sẵn sàng cho trận tấn công lịch sử  Hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 7-10 câu về đề tài mùa hè, trong đó có sử dụng câu đặc biệt.  **Phần II. Kiến thức mở rộng**  - Cho HS đọc đoạn văn và cho biết các từ *mừng, cậu, cậu Vàng* thuộc trường từ vựng nào?  ->Được tác giả dùng trong trường từ vựng nào?  Nhằm mục đích gì?  - Tìm hiểu sự chuyển đổi trường từ vựng trong đoạn thơ sau và chỉ rõ tác dụng của sự chuyển đổi ấy :  *Gái chính chuyên lấy được chín chồng* Vo viên bỏ lọ gánh gồng đi chơi *Ai ngờ quang đứt lọ rơi*  *Bò ra lổm ngổm chín nơi chín chồng*  -Hãy nhận xét về hiện tượng chuyển đổi trường từ vựng trong đoạn văn sau:  “Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to:  - **Mừng** à ? vẫy đuôi à ? Vẫy đuôi thì cũng giết ! Cho **cậu** chết !  Thâý lão... Ông để **cậu Vàng** ông nuôi.” | **I. Từ ghép**  **1. Khái niệm**  - Từ ghép là những từ do hai hoặc nhiều tiếng có nghĩa tạo thành.  **2. Phân loại:**  ***a. Từ ghép chính phụ***  - Tiếng chính làm chỗ dựa, tiếng phụ đứng sau bổ sung nghĩa cho tiếng chính.  - từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.  **Ví dụ**:  + ***Cá thu*** là chỉ một loại cá ( nghĩa hẹp hơn nghĩa của tiếng chính ***cá***).  ***b.Từ ghép đẳng lập :***  - Nghĩa của từ ghép đẳng lập chung hơn , khái quát hơn nghĩa của các tiếng dung để ghép.  - Có thể đảo vị trí trước sau của các tiếng dùng để ghép.  **3. Bài tập**  - Xem lại bài tập SGK Ngữ văn 7 tập 1 trang15  **II. Từ láy**  **1. Khái niệm**  - Từ láy là một kiểu từ phức đặc biệt có sự hòa phối âm thanh, có tác dụng tạo nghĩa giữa các tiếng. Phần lớn từ láy trong Tiếng Việt được tạo ra bằng cách láy tiếng gốc có nghĩa.  **2. Phân loại:**  a**. Từ láy toàn bộ** :  - ***Láy toàn bộ giữ nguyên thanh điệu***:  Ví dụ : xanh  xanh xanh.  ***- Láy toàn bộ có biến đổi thanh điệu:***  Ví dụ : đỏ đo đỏ.  **b. Láy bộ phận**:  - ***Láy phụ âm đầu :***  Ví dụ : Phất  phất phơ  - ***Láy vần :***  Ví dụ : xao  lao xao.  **3. Bài tập**  - Xem lại bài tập SGK Ngữ văn 7 tập 1trang 43.  **III. Đại từ**  **1. Khái niệm**  - Đai từ là những từ dùng để trỏ (chỉ) hay hỏi về người, sự vật, hoạt động tính chất trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói.  **2. Phân loại**  ***a. Đại từ để trỏ :***  \* **Dùng để chỉ người, sự vật** (còn gọi là đại từ xưng hô, đại từ nhân xưng) gồm có : tôi , tao , tớ, chúng tao, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, nó, hắn, chúng nó, họ…  - Ví dụ :  “Sao không về hả chó  Nghe bom thằng Mĩ nổ  **Mày** bỏ chạy đi đâu  **Tao** chờ mày đã lâu  Cơm phần **mày** để cửa  Sao không về hả chó  **Tao** nhớ **mày** lắm đó  Vàng ơi là vàng ơi ?”  \* **Lúc xưng hô một số danh từ chỉ người như** : ***Ông , bà , cha, mẹ, cô, bác…***được sử dụng như đại từ nhân xưng…  \_ Ví dụ : **Cháu** đi liên lạc  Vui lắm **chú** à?  Ở đồn Mang Cá  Thích hơn ở nhà.  \***Trỏ số lượng**: ***bấy,bấy nhiêu***.  \_ Ví dụ :  Phũ phàng chi **bấy** hóa công  Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.  \* **Trỏ sự vật trong không gian ,thời gian**:***đây, đó, kia , ấy , này, nọ, bây giờ, bấy giờ…***  \_ Ví dụ :  Những là sen ngó đào tơ  Mười lăm năm mới **bây giờ** là **đây.**  \* **Trỏ hoạt động tính chất sự việc**: ***vậy,thế…***  \_ Ví dụ :  Các em ngoan **thế**, vừa lao động giỏi , vừa học tập giỏi.  ***b. Đại từ để hỏi.***  \* **Hỏi về người,sự vật*: ai, gì*** .  **\_ V**í dụ :  Những **ai** mặt bể chân trời  Nghe mưa **ai** có nhớ nhời nước non.  \* **Hỏi về số lượng** :***bao nhiêu , mấy.***  - ví dụ :  Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang  **Bao nhiêu** tấc đât tấc vàng bấy nhiêu.  \* **Hỏi về không gian, thời gian: *đâu, bao giờ.***  - Ví dụ:  **Bao giờ** cây lúa còn bong  Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.  **3. Bài tập**  - Xem lại bài tập SGK Ngữ văn 7 tập 1 trang 56 - 57.  **IV. Từ Hán Việt**  **1. Nhận biết yếu tố Hán Việt**  \* Trong từ vựng tiếng Việt có khoảng 70% vốn từ Hán Việt, 30% từ thuần Việt, số lượng từ ấn- âu không nhiều  \* áp dụng mẫu: *Nguyện quyết cứu nguy*  - Tất cả các tiếng nào có chứa vần của bốn từ trên đều là yếu tố Hán Việt  - Ngoại lệ các tiếng: nguyền, chuyền, chuyện là từ thuần Việt  ***2. Một số mẹo nhận diện từ Hán Việt***   |  |  | | --- | --- | | Từ Hán Việt | | | Những vần có | Những vần không có | | -ưc  - ăc  - ât  - ân  - iên  - uốc  - iêm | - ut  - ăt  - âc,ơt  - âng  - iêng  - uốt  - im  (trừ trường hợp kim) |   ***3. Nhận biết từ thuần Việt***  - Tất cả các tiếng có kết hợp với vần **ết, ưng** đều là từ thuần Việt. Ngoại lệ có: *kết, ưng,* *ứng, ngưng* là từ HV  - Tất cả các tiếng có phụ âm đầu là **r** đều là từ thuần Việt.  **4. Bài tập**  - Xem lại bài tập SGK Ngữ văn 7 tập 1trang 70 - 71.  **V. Quan hệ từ**  **1. Khái niệm :**  - Quan hệ từ là từ dùng để liên kết từ với từ , đoạn với đoạn , câu với câu , để góp phần làm cho câu chọn nghĩa , hoặc tạo nên sự liền mạch lúc diễn đạt ( Quan hệ từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả … giữa các bộ phận của câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn. )  - Ví dụ :  + Cảnh đẹp **như** tranh .  **2. Phân loại :**  ***a . Giới từ :***  - Giới từ là những từ dùng để liên kết các thành phần có quan hệ ngữ pháp chính phụ . Đó là các từ : của , bằng , với , về , để , cho , mà , vì , do như , ở , từ …  - Ví dụ :  + “ Cốm là thức quà riêng biệt **của** đất nước , là thức dâng **của** những cánh đồng lúa bát ngát , mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc , giản dị và thanh khiết **của** đồng quê nội cỏ An Nam ” .  ( Một thứ quà của lúa non : cốm - Thạch Lam )  ***b . Liên từ***  - Liên từ là từ dùng để liên kết các thành phần ngữ pháp đẳng lập . Đó là các từ : và , với , cùng , hay , hoặc , nhưng , mà , chứ , hễ , thì , giá , giả sử , tuy , dù …  - Ví dụ :  + “ Rắn nát **mặc dầu** tay kẻ nặn  **Mà** em vẫn giữ tấm lòng son ” .  ( Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương )  **4. Bài tập**  - Xem lại bài tập SGK Ngữ văn 7 tập 1trang 98 - 99.  **VI. Từ đồng nghĩa**  ***Bài 1***  1. non- núi- sơn -> đồng nghĩa Hán- Việt, đồng nghĩa hoàn toàn.  2. Chó- cầy- >đồng nghĩa không hoàn toàn  3. anh, em, ông: Chỉ ND ta -> đồng nghĩa kkhông hoàn toàn.  - giặc, mày: chỉ TDP- >đòng nghĩa hoàn toàn(trong văn bản này)  - phang, quật, phết, đánh -> đồng nghĩa không hoàn toàn  ***Bài 2***  A1: thuốc -được-> bỏ *thuốc*  A2: tái- lại-> bỏ *lại*  A3: ngày- nhật -> bỏ *ngày*  ***Bài 3***  Trong vốn từ Hán Việt, có ba yếu tố kiều khác nhau(Đồng âm chứ không phải đồng nghĩa)  - Kiều1: cái cầu(phù kiều- cầu nổi, kiều lộ)  - Kiều 2: trú ngụ ở nước ngoài(kiều dân, kiều bào, Việt kiều)  - Kiều3: đẹp (kiều diễm, kiều mị, yêu kiều)  Đối với bài ca dao có thể hiểu là:  - Cầu kiều=cầu đẹp. Một cái cầu đẹp, trang tọng để đến với thầy(người hiện thân của tri thức và đạo lí). Nghĩa rộng hơn: tình cảm tôn sư trọng đạo(bắc cầu)  **VII. Từ trái nghĩa**  **1. Tác dụng của từ trái nghĩa**  - Nắm rõ nghĩa của từ trái nghĩa thì sử dụng từ được chính xác  - Khéo sử dụng từ trái nghĩa thì lời ăn tiếng nói sẽ sinh động.  - Trong thành ngữ từ trái nghĩa được dùng để tạo ra các hình ảnh tương phản  - Có thể lợi dụng từ trái nghĩa để tạo ra phép chơi chữ  **-**  Các từ trái nghĩa thường là tính từ, động từ và còn một số ít là danh từ    **2. Bài tập**  ***Bài 1***  - Dũng cảm- hèn nhát, hèn hạ...  - Sống- chết, hy sinh, từ trần, qua đời...  - Nóng- lạnh(nhưng giữa nóng với lạnh còn có ấm, mát)  - Yêu- ghét(ở giữa có: thương, quý)  - Nao núng- kiên định, vững vàng  - Cao thượng- ti tiện, nhỏ nhen  ***Bài 2***  - nấm lành- nấm độc  - vị thuốc lành- vị thuốc độc  - u lành- u ác  - tính lành- tính ác  - chó lành- chó giữ  - điềm lành- điềm gở  - áo lành- áo rách  -> Từ lành có thể tham gia vào nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau  ***Bài 3***  - Tôi đi lính lâu không về quê ngoại  Dòng sông xưa vẫn ***bên lở, bên bồi***  Khi tôi biết thương bà thì đã muộn  Bà chỉ còn là nấm cỏ thôi!  (Nguyễn Duy)  - Trái ***non*** mà đã thích  Rụng xuống vẫn còn ngon  Huống chi là trái ***chín***  Ôi thanh ca ngọt giòn...  (Xuân Diệu)  - Hát cho bong bóng thì ***chìm***  Đá xanh thì ***nổi***, gỗ lim lập lờ  (Ca dao)  **VIII. Từ đồng âm**  ***Bài 1***  \* ý nghĩa  - Trong ngoài: vị trí - trong đục: tính chất  - Hòn đá: danh từ- đá bóng: hoạt động  - Cái cuốc: danh từ- cuốc đất: động từ  - Muối biển: danh từ- Muối dưa: động từ  \* Đặt câu  - Nước ở trong giếng rất trong.  - Anh ấy đang đá bóng thì giẫm phải hòn đá.  - Tôi cầm cái cuốc cuốc đất cho mẹ trồng rau.  - Tôi mua muối về cho mẹ muối dưa.  ***Bài 2***  - la1: tên một con vật (con la)  - la2: tên gọi một nốt nhạc (nốt la)  - la3: chỉ một dạng của lời nói (la mắng)  - lốp1: chất lượng của lúa (lúa lốp)  - lốp2:tên gọi một bộ phận của xe(lốp xe)  - ga1:nơi đỗ của tàu(ga xe lửa)  - ga(trải giường): Vật dùng để trải lên trên đệm  - ga(bếp ga): chất đốt  - đầm1: để đầm nền nhà (cái đầm)  - đầm2: nơi rộng, có nước(hồ, ao)  - đầm3: trang phục (váy đầm)  ***Bài 3***  - Tôi bị bố la mắng vì tội dắt con la về nhà.  - Tôi đi thay lốp xe để chở lúa nhưng buồn vì lúa năm nay bị lốp nhiêu quá.  - Tôi đang đứng ở sân ga, thấy có hàng chăn ga gối đệm đi qua tôi liền mua một cái.  - Tôi dùng đầm để đầm sân.  ***Bài 4***.  a. sự vật nói chung, phát triển đến giai đoạn cao hoặc giai đoạn cuối  b.  - già làng: người đứng đầu buôn làng(thủ lĩnh)  - già đời: lọc lõi, khôn ngoan  - cáo già: khôn ngoan, thâm hiểm  - bố già: cầm đầu xã hội đen  c.  - già một cân, cho già tay một tí: phần dư của một đơn vị đo lường  - non một lít: phần thiéu của một đơn vị đo lường  **IX. Thành ngữ.**  **1.Cách thức tìm hiểu nghĩa của thành ngữ**  - Có thể suy ra từ nghĩa đen(miêu tả) của các từ tạo ra nó:  *Nhắm mắt xuôi tay, đè đàu cưỡi cổ, bảy nổi ba chìm, tay bế tay bồng…*  - Được hiểu thông qua một số phép chuyển nghĩa:  + So sánh: *ăn như tằm ăn rỗi, hiền như bụt, nát như tương, đen như cột nhà cháy, bẩn như ma lem, hôi như chuột chù*…  + ẩn dụ: *xôi hỏng bỏng không, ruột để ngoài da, ăn tuyết nằm sương, dầm mưa dãi gió*  + Nói quá: *Đi guốc trong bụng, rán sành ra mỡ, vắt cổ chày ra nước, một tấc đến trời*…  **2. Cách sử dụng thành ngữ**  - Khi nói và viết nếu biết vận dụng thành ngữ câu văn trở nên hàm súc, giàu hình tượng và biểu cảm  - Vận dụng sáng tạo thành ngữ câu văn vừa bình dị vừa sắc sảo, gợi nhiều ấn tượng  - Ví dụ : Phụ người chẳng bõ khi người phụ ta.  **3. Nguồn gốc và ý nghĩa một số thành ngữ**  1. ăn vóc học hay: thành ngữ này dùng với nghĩa: ăn thì bồi bổ cho thân thể, học thì bồi bổ cho trí tuệ.  2. Cẩn tắc vô ưu: Cẩn thận thì không lo lắng gì  3. Chín chữ cù lao: chỉ công lao khó nhọc của bố mẹ  4. Hậu sinh khả uý: người lớp sau đáng sợ, đáng phục  5. Vắt cổ chày ra nước: Bủn xỉn, hà tiện, keo kiệt quá đáng. Chuyện vô lí ngược đời không thể nào thực hiện được.  **X. Rút gọn câu.**  **1. Sử dụng**  - Sử dụng phổ biến trong ca dao, tục ngữ, đồng dao…  - Các kiểu văn bản miêu tả- tự sự- trữ tình đều sử dụng câu rút gọn. Khi đọc ta phải tìm hiểu dụng ý nghệ thuật của tác giả khi dùng câu rút gọn  - Cần chú ý mối quan hệ thân- sơ,trên - dưới, khinh- trọng trong giao tiếp để lựa chọn khi nào có thể dùng câu rút gọn  **2. Bài tập**  ***Bài 1***  - Câu rút gọn:  1. Quơ một vòng sát chân rạ.  2. Giật mạnh.  3. Bước sang trái.  4. Quơ liềm.  5. Giật mạnh.  6. Lại bước sang trái.  7. Lại quơ liềm.  8. Lại giật mạnh.  9. Cứ thế mãi  - Thành phần rút gọn: chủ ngữ  - Khôi phục: Tôi  - Tác dụng: câu văn ngắn gọn, tránh lặp từ  ***Bài 2***  - Đoạn a: có thể dùng câu rút gọn vì đối tượng giao tiếp là ngang hàng  - Đoạn b: không thể dùng câu rút gọn vì mối quan hệ trên - dưới  ***Bài 3***  **XI. Câu đặc biệt**  **1. ý nghĩa và cấu tạo của câu đặc biệt**  ***a. Câu đặc biệt có cấu tạo là cụm danh từ hoặc danh từ***  VD:  - Bom tạ.  - Mèo!  - Chân đèo mã Phục.  - Nhà bà Hoà  - Toàn những gánh đạn.  ***\* ý nghĩa và tác dụng***  - Miêu tả, xác nhận sự tồn tại của sự vật hiện tượng, giúp cho người đọc, người nghe như được thấy chúng trước mắt  - Nêu hoàn cảnh không gian, thời gian, cảnh vật làm nền cho các sự kiện khác được nói đến trong VB  - Dùng làm biển đề tên các cơ quan, xí nghiệp, trường học, địa danh…  - Dùng làm lời gọi đáp  ***b. Câu đặc biệt có cấu tạo là động từ, tính từ hoặc cụm tính từ***  VD:  - Ngã!  - Cháy nhà!  - Còn tiền.  - Im lặng quá.  - Sổng mất một con gà.  ***\* ý nghĩa và tác dụng***  - Miêu tả, xác nhận sự tồn tại của sự vật hiện tượng một cách khái quát  - Thường gặp trong tục ngữ, ca dao, thơ…  - Thường dùng để viết khẩu hiẹu, thông báo…  **3. Bài Tập**  ***Bài 1***  - Chửi. Đấm. Đá. Thụi. Bịch. -> Câu đặc biệt có cấu tạo là động từ, dùng để liệt kê, miêu tả hành động  - Cẳng chân. Cẳng tay-> Là cụm danh từ dùng để liệt kê, miêu tả  - Sài Gòn. Mùa xuân năm 1975-> là DT, cụm danh từ dùng để xác định thời gian, nơi chốn  ***Bài 2***  - GV hướng dẫn cách viết đoạn văn có sử dụng câu đặc biệt  **XII. Thêm trạng ngữ cho câu**  **1.Lí thuyết**  Để các định thời điểm, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu, câu thường được mở rộng bằng cách thêm trạng ngữ.  - Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, giữa câu, cuối câu.  - Trạng ngữ được dùng để mwor rộng câu, có trường hợp bắt buộc phải dùng trạng •  **2. Luyện tập**  **Bài tập 1**: Tìm trạng ngữ trong những câu có từ ngữ in đậm dưới đây:  a) **Mùa đông, giũa ngày mùa**-làng quê toàn màu vàng**-** những màu vàng rất khác nhau.  ( Tô Hoài)  b) Qủa nhiên **mùa đông năm ấy** xảy ra một việc biến lớn.  ( Tô Hoài)  **Bài tập 2**:  ***Xác định và nêu tác dụng của các trạng ngữ trong đoạn trích sau đây:***  a)**Trên quãng trường Ba Đình lịch sử**, lăng Bác uy nghi mà gần gũi, cây và hoa khắp miền đất nước về đây hội tụ, đâm chồi phô sắc và tỏa hương thơm.-> Trạng ngữ xác định nơi chốn diễn ra sự việc nói về lăng Bác.  b) Diệu kì thay, **trong một ngày**, của Tùng có ba sắc màu nước biển. **Bình minh**, mặt trời như chiếc than hồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển, nước biển nhuộm màu hồng nhạt. Trưa, nước biển xanh lơ và **khi chiều tà** thì biển đổi sang màu xanh lục.  ( Thụy Chương)  ( trạng ngữ xác định thời gian, điều kiện diễn ra sự việc: sự thay đổi màu sắc của biển và liên kết, thể hiện mạch lạc giũa các câu trong đoạn văn)  **Bài tập 3**:  Trạng ngữ được tách thành câu riêng dưới đây có tác dụng gì?  *Đêm. Trong phòng tập thể, Na, Hà đều đã ngủ say.*  *( Báo VN, số 36, 1993)*  *Trạng ngữ nhằm nhấn mạnh ý về thời gian*)  **XIII. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động**  1. ***Thế nào là câu chủ động, câu bị động?***  \_ Câu chủ động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác.  **Ví dụ**:  *Thầy giáo khen bạn Nam*.  -> Do chủ ngữ là chủ thể phát ra hành động nên gọi là câu chủ động.  \_ Câu bị động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của người, vật khác hướng vào.  **Ví dụ**:  *Bạn Nam được thầy giáo khen*.  -> Do chủ ngữ chịu tác động một cách thụ động nên gọi là câu bị động.  2. ***Mô hình của câu chủ động, câu bị động***:  \_ Câu chủ động có mô hình:  *Chủ ngữ (chủ thể)- động từ ngoại động (hành động) – bổ ngữ (đối tượng)*.  \_ Câu bị động có mô hình:  *Chủ ngữ (đối tượng)- vị ngữ*.  3. ***Cách nhận diện câu chủ động, câu bị động***:  Căn cứ vào vai trò của chủ ngữ trong quan hệ với hành động được nêu ở vị ngữ. Nếu chủ ngữ biểu thị đối tượng của hành động thì đó là câu bị động.  4. ***Quy tắc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động***:  \_ Chuyển từ (cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu.  \_ Thêm hoặc không thêm các từ *bị, được* vào sau chủ đề của câu.  5. ***Sử dụng câu chủ động, câu bị động***:  Việc sử dụng câu chủ động hay câu bị động không được tuỳ tiện mà phải căn cứ vào các câu đi kèm.  **Ví dụ**:  *Con mèo nhà em bị con chó nhà hàng xóm cắn. Nó đau lắm nhưng không hề rên một tiếng*.  -> Trong chuối câu như vậy, câu đầu chỉ có thể là câu bị động, không thể dùng câu chủ động.  **6. Xem lại bài tập về câu chủ động, câu bị động trong SGK ngữ văn 7 tập 2.**  **I. Trường từ vựng**  **1. Khái niệm**  - Trường từ vựng là tập hợp tất cả những từ có nét chung về nghĩa  Ví dụ:  *mặt, mắt, da, gò má, cánh tay, đùi, đầu, miệng*  đều có nét nghĩa chung là chỉ bộ phận cơ thể con người.  **2.Các bậc của trường từ vựng và cách chuyển trường từ vựng :**  ***a- Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.***  + Các từ trong các trường:  - Bộ phận của mắt : *lòng đen, lòng trắng, con ngươi,. lông mày, lông mi,*  - Đặc điểm của mắt : *đờ đẫn, sắc,. lờ đờ tinh anh, toét, mù, lòa,*  - Cảm giác của mắt : *chói, quáng, hoa cộm,*  - Bệnh về mắt : *quáng gà, thong manh, cận th , viễn thị*  - Hoạt động của mắt : *nhìn trông, thâý, liếc , nhòm*  + Các trường trên lại thuộc trường “mắt”  ***b- Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại***  + Từ loại :  - các danh từ như: *con ngươi, lông mày,*  - các động từ như: *nhìn trông, v.v...,*  - các tính từ như: *lờ đờ ,''toét,* v.v..  ***c.Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau***  - Ngọt, cay , đắng, chát, thơm (trường mùi vị)  - Ngọt, the thé, êm dịu, chối tai (trường âm thanh)  - (rét) ngọt, ẩm, giá (trường thời tiết)  ***d. Trong văn thơ cũng như trong cuộc sống hằng ngày, người ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ (phép nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, v.v.. )***  + Người  - Thú vật, con chó thuộc trường từ vựng thú vật  - Nhân hóa  -> *vo viên bỏ lọ* - trường sự vật; *bò ra lổm ngổm* - trường sinh vật)  -> *Mừng, cậu* thuộc trường từ vựng “người” , chuyển sang trường từ vựng “thú vật” nhằm mục đích nhân hóa  **II. Từ tượng hình, từ tượng thanh**  - Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  + Ví dụ: ***móm mém, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, sòng sọc…***  - Từ tượng thanh là những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.  + Ví dụ: ***hu hu, ư ử….***  **III. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội**  \* Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.  - Ví dụ:  +***bắp:*** dùng ở các tỉnh miền Trung và miền Nam  + ***bẹ:***được dùng nhiều ở các tỉnh miền núi phía Bắc.  + ***ngô :***được sử dụng phổ biến trong toàn quốc.  \* Biệt ngữ xã hội là các từ ngữ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định  - Ví dụ:  + ***“Ngỗng”***: điểm 2  + ***“Trúng tủ”***: đúng phần đã học kĩ.  **IV. Trợ từ, thán từ**  - Trợ từ là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.  Ví dụ:  + Trợ từ để nhấn mạnh: Những, cái, thì, mà, là...  + Trợ từ dùng để biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc: có, chính, ngay, đích, thị...  - Thán từ là những từ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi nó được tách ra thành một câu đặc biệt.  - Thán từ được chia làm hai loại:  + Thán từ dùng để biểu lộ tình cảm: Thán từ đích thực như ôi, ối, ái, ồ, á, chà, eo ơi, này, hỡi ơi... thán từ đi kèm thực từ như trời ơi, khổ quá, cha mẹ ơi, chết...  + Thán từ gọi đáp như hỡi, ơi, ê, vâng...  **V. Tình thái từ**  - Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu theo mục đích nói( ghi vấn, cầu khiến, cảm thán) và để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.  Ví dụ: Mời u xơi khoai đi *ạ*!  U bán con thật đấy *ư*?  Từ *ạ* trong câu trên biểu thị thái độ kính trọng của Tí đối với mẹ, còn từ *ư* đã biến cả câu thành câu ghi vấn.  - Chức năng của tình thái từ  + Tạo câu ghi vấn : à, ư, chứ, hả, phỏng, chăng...  + Tạo câu cầu khiến: đi, nào, thôi, với...  + Để tạo câu cảm thán: thay, thật, sao ...  + Tình thái từ còn có chức năng biểu thị sắc thái tình cảm: à, ạ, nhé, cơ, mà, kia, thôi...  **VI. Câu ghép**  **1. Khái niệm**  - Câu ghép là câu do hai hoặc nhiều cụm C-V bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V không nói trên là một vế câu.  ***Ví dụ :***  *Mẹ tôi đi chợ còn tôi đi học*.  C V C V  **2. Các vế câu trong câu ghép có thể nối với nhau bằng hai cách:**  \* Dùng từ nối:  \_ Quan hệ từ đẳng lập: *và, rồi, nhưng, còn,.*..  \_ Quan hệ từ chính phụ: *vì, bởi vì, do, bởi, tại, nếu, giá, giá như, tuy, dù, mặc dù, mặc dầu, để,*...  \_ Cặp quan hệ từ chính phụ: *vì ( do, bởi, tại, bởi vì, sở dĩ,...) ...nên ( cho nên )...; nếu (giá, giá như, hễ,...)... thì...; tuy ( dù, mặc dù, mặc dầu,...)... nhưng...; để...thì...;* v.v...  \_ Cặp phụ từ: *vừa...vừa...; càng...càng...; không những...mà còn...; chưa...đã...; vừa mới...đã...;* v.v...  \_ Cặp đại từ: *ai...nấy, gì...ấy, đâu...đấy, nào...ấy, sao...vậy, bao nhiêu...bấy nhiêu,* v.v...  \* Không dùng từ nối:  + Dùng dấu phẩy:  ***Ví dụ***:  + *Chồng tôi đau ốm, ông không được*  C V C V  *phép hành hạ*.  ( Ngô Tất Tố )  + Dùng dấu chấm phẩy:  ***Ví dụ***:  *Bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào...*  ( Nam Cao )  + Dùng dấu hai chấm:  ***Ví dụ***:  *Ta đến bệnh viện K sẽ thấy rõ: Bác sĩ viện trưởng cho biết trên 80% ung thư vòm họng và ung thư phổi là do thuốc lá.*  ( Nguyễn Khắc Viện )  **3. Quan hệ các vế trong câu ghép**  \* Quan hệ nguyên nhân –hệ quả:  ***Ví dụ***:  *Vì trời mưa to nên tôi phải nghỉ học*.  \* Quan hệ điều kiện ( giả thiết ) –hệ quả:  ***Ví dụ***:  *Nếu trời mưa to thì khu phố này chắc chắn sẽ bị ngập*.  \* Quan hệ tương phản, nghịch đối:  ***Ví dụ***:  *Tôi học bài, còn nó nằm ngủ*.  \* Quan hệ mục đích:  ***Ví dụ***:  *Để phong trào thi đua của lớp ngày một tiến bộ thì chúng ta phải cố gắng hơn*.  \* Quan hệ tăng tiến:  ***Ví dụ***:  *Trời càng mưa to, đường càng ngập nước*.  \* Quan hệ lựa chọn:  ***Ví dụ***:  *Mình đọc hay tôi đọc?*  ( Nam Cao )  \* Quan hệ bổ sung:  ***Ví dụ***:  *Nó không những học giỏi mà nó còn lao động giỏi*.  \* Quan hệ tiếp nối:  ***Ví dụ***:  *Thầy giáo vào, cả lớp đứng dậy chào*.  \* Quan hệ đồng thời:  ***Ví dụ***:  *Thầy giáo giảng bài, chúng tôi ghi chép chăm chú*.  \* Quan hệ giải thích:  ***Ví dụ***:  *Mọi người bỗng im lặng: chủ toạ bắt đầu phát biểu*.  **VII. Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm**  ***1. Dấu ngoặc đơn***:  Dùng để đánh dấu phần chú thích ( giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm ).  ***Ví dụ***:  *Tiếng trống của Phìa ( lí trưởng ) thúc gọi nộp thóc rền rĩ*.  ( Tô Hoài )  ***2. Dấu hai chấm***:  \_ Dùng để đánh dấu lời dẫn trực tiếp hay lời đối thoại.  ***Ví dụ***:  *Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”*.  ( Nam Cao )  - Dùng để đánh dấu phần bổ sung, giải thích, thuyết minh cho phần trước đó.  ***Ví dụ***:  *Thật ra thì lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu: lão vừa xin tôi một ít bả chó...*  ( Nam Cao )  **VIII. Dấu ngoặc kép**  \_ Đánh dấu từ ngữ, câu, doạn dẫn trực tiếp.  ***Ví dụ***:  *Bấy giờ bà mẹ mới vui lòng nói: “Chỗ này là chỗ con ta ở được đây”.*  ( Mẹ hiền dạy con )  \_ Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai.  ***Ví dụ :***  *Chủ của chị là một quan phủ già, dâm đãng trong một đêm “tắt đèn” đã mò vào buồng chị*.  ( Nguyễn Hoành Khung )  \_ Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn.  ***Ví dụ***:  *“Dế Mèn phiêu lưu kí” được in lần đàu năm 1941, là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi*.  ( Ngữ văn 6, tập hai )  **IX. Câu nghi vấn**  *\* Câu nghi vấn là câu có hình thức nghi vấn; có chức năng chính là dùng để hỏi*.  Trong giao tiếp, khi có những điều chưa biết hoặc còn hoài nghi, người ta sử dụng câu nghi vấn để yêu cầu trả lời, giải thích.  ***Ví dụ***:  \_ *áo đen năm nút viền tà*  *Ai may cho bậu hay là bậu may?*  ( Ca dao )  \_ *Sao u lại về không thế?*  ( Ngô Tất Tố )  \_ *Hôm nay anh đi học phải không?*  Câu nghi vấn khi viết có dấu chấm hỏi đặt ở cuối câu, khi trả lời phải nhằm vào các từ biểu thị ý nghi vấn để trả lời. Chức năng chính của câu nghi vấn là dùng để hỏi và yêu cầu trả lời, ngoài ra còn có các chức năng khác.  **X. Câu cầu khiến**  - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo,...  ***Ví dụ***:  *Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ* ***đừng*** *vứt con đi mà tội nghiệp*.  ( Sọ Dừa )  \_ Chủ ngữ của câu cầu khiến thường là chủ thể thực hiện hành động được cầu khiến trong câu ( ngôi thứ hai hoặc ngôi thứ nhất số nhiều ).  ***Ví dụ*** :  ***Ông*** *về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này*.  **XI. Câu cảm thán**  Câu cảm thán là câu dùng để bộc lộ một cách rõ rệt những cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói đối với sự vật, sự việc được nói tới.  ***Ví dụ***:  *Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt!*  ( Nam Cao )  **XII. Hội thoại**  \* ***Hội thoại*** là sử dụng một ngôn ngữ để trao đổi thông tin với nhau.  \* Trong hội thoại, mỗi người đều có ***vai xã hội*** của mình. ***Vai xã hội*** là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại.  \* Trong hội thoại, mỗi người tham gia hội thoại đều có quyền được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại được gọi là một ***lượt lời***. |

**IV . C ủng c ố :**

**\*** GV củng cố , khái quát lại nội dung của buổi học.

**V . Hướng dẫn HS về nhà :**

\* Đọc ôn tập những kiến thức về “Truyện kí và thơ ca Việt Nam hiện đại.”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 1- Buổi 2 + Tuần 2 Buổi 1**:

**TRUYỆN, KÍ VÀ THƠ CA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI**

**I. Mục tiêu bài học**

**\_** HS ôn tập, hệ thống lại các kiến thức đã học về truyện kí và thơ ca việt nam hiện đại trong trương trình ngữ văn 7.

\_ Biết vận kiến thức đã học vào thực tiễn giao tiếp và cuộc sống hàng ngày.

**II. CHUẨN BỊ**

Gv: Tham khảo tài liệu ,soạn giáo án

Tích hợp một số văn bản đã học

Hs: Ôn tập lại kiến thức

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**1. Ổn định**

**2. Bài cũ**

**3. Bài mới**

***\*Giới thiệu bài***

***\*Tiến trình hoạt động***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần I: Kiến thức cũ**  **Phần II. Kiến thức mở rộng** | **I. Cảnh khuya – Rằm tháng giêng ( Hồ Chí Minh )**  **1. Những nét chung**  - Được sáng tác trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp  - Đều miêu tả cảnh đêm trăng rừng Việt Bắc: Trong trẻo, cao rộng, thơ mộng  - Thể hiện sự hoà quyện giữa tình yêu thiên và tình yêu nước  - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt  - Trong thơ vừa có nhạc vừa có hoạ  - Lời thơ tự nhiên, có nhiều sáng tạo mới mẻ.  - Thể hiện phong thái ung dung, lạc quan, tự tin của Bác  - Hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp vừa mang màu sắc cổ điển vừa mang tính hiện đại:  ***+ Màu sắc cổ điển***  **+** Tứ thơ và nhiều hình ảnh, từ ngữ tương đồng với các từ ngữ, hình ảnh của thơ Đường  **+** Cách miêu tả không gian giống trong thơ Đường  + Màu sắc hiện đại:  **+**Cảnh làm việc của Bác và các đồng chí lãnh đạo trong chiến khu  **+**Phong thái ung dung, lạc quan của Bác  **+** Tâm trạng, tình cảm mới khoẻ khoắn, rộng lớn và cao cả của một vị lãnh tụ  **2. Những nét đặc sắc riêng**  ***a. Cảnh khuya***  - So sánh mới mẻ, độc đáo(tiếng suối với tiếng hát)  - Bức tranh nhiều tầng lớp, đường nét, có sự đan xen, hoà quyện của trăng, hoa, cây, lá...  ***b. Rằm tháng giêng(Nguyên tiêu)***  - Điệp từ *xuân*  - Không gian cao rộng, mặt đất, bầu trời, dòng sông như hoà quyện nối tiếp nhau tất cả đều tràn ngập ánh trăng và sức sống của mùa xuân  ***\* Đối chiếu bản dịch và phiên âm***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Phiên âm | Bản dịch | | 1 | MT đêm rằm tháng giêng, trăng đúng lúc tròn nhất | Thêm tính từ miêu tả lồng lộng-> Làm mờ đi thời điểm tháng giêng và hình ảnh trăng tròn nhất | | 2 | Lặp lại ba từ xuân | Bỏ đi một từ xuân thiên | | 3 | Có sự hoà hợp giưa âm hưởng cỏ và hiện đại:  Bàn việc quân sự ở một nơi kín đáo, bí mật nhưng thơ mộng | Giữa dòng-> làm mất đi sự kín đáo, bí mật nơi làm việc | | 4 |  | Thêm: bát ngát, ngân-> muốn tạo thêm âm thanh, sức sống cho ánh trăng như muốn kéo dài mãi niềm vui của bác và các đồng chí |   **II. Tiếng gà trưa ( Xuân Quỳnh )**  *a). Những hình ảnh và kỉ niệm tuổi thơ*  - Hình ảnh con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như trong tranh.  - Một kỉ niệm về tuổi thơ dại : xem trộm gà đẻ bị bà mắng.  - Hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, chắt chiu dành dụm, lo cho cháu.  - Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ được quần áo mới từ tiền bán gà, mong ước ấy đi cả vào giấc ngủ  ⇨ Qua những kỉ niệm được gợi lại, tác giả đã biểu lộ tâm hồn trong sáng, hồn nhiên và tình cảm trân trọng, yêu quí đối với bà.  *b). Hình ảnh người bà và tình cảm bà cháu*  **-** Tần tảo chắt chiu trong cảnh nghèo.  - Dành trọn vẹn tình yêu thương, chăm lo cho cháu.  - Bảo ban nhắc nhở cháu.  ⇨ Tình bà cháu sâu nặng, thiết tha.  **III. Một thứ quà của lúa non: Cốm ( Thạch Lam )**  ***a. Nghệ thuật:***  - Lời van trang trọng, tinh tế, đầy cảm xúc, giàu chất thơ.  - Chọn lọc các chi tiết gợi nhiều liên tưởng, kỉ niệm.  - Sáng taọ trong lời văn xen kể và tả chậm rãi, ngaamx nghĩ, mang nặng tính chất tâm tình, ngắc nhở nhẹ nhàng.  ***b. Nội dung:***  - Bài văn là sự thể hện thành công những cảm giác lắng đọng, tinh tế mà sâu sắn của Thạch Lam về văn hoá và lối sống của người Hà Nội.  **IV. Mùa xuân của tôi ( Vũ Bằng )**  - Bài văn viết về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở Hà Nội và Miền Bắc qua nỗi nhớ thương da diết của 1 người xa quê đang sống ở Sài Gòn trong vùng kiểm soát của Mĩ-Nguỵ, khi đất nước còn bị chia cắt.  **V. Sài Gòn tôi yêu ( Minh Hương )**  - Bài tuỳ bút thể hiện tình cảm y.mến và n ấn tương bao quát chung của tác giả về thành phố Sài Gòn trên các p.diện chính: thiên nhiên, khí hậu, thời tiết, cuộc sống sinh hoạt của thành phố, cư dân và phong cách con người Sài Gòn.  **VI. Sống chết mặc bay ( Phạm Duy Tốn )**  - Nội dung: Phản ánh cuộc sống ăn chơi hưởng lạc vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền và cảnh sống cơ cực thê thảm của người dân trong xã hội cũ. Cảm thông và thương xót cho thân phận của người dân vô tội  - Nghệ thuật: Xây dựng nhân vật bằng nhiều hình thức ngôn ngữ, nhất là đối thoại. Dùng biện pháp tương phản và tăng cấp để khắc hoạ nhân vật làm nổi bật tư tưởng của tác phẩm.  **VII. Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu ( Nguyễn Ái Quốc)**  - Khắc hoạ 2 nhân vật với 2 tính cách đại diện cho 2 lực lượng XH hoàn toàn đối lập nhau ở nước ta thời Pháp thuộc. Va – ren : gian trá, lố bịch, đại diện cho TD Pháp ở Đông Dương. Phan Bội Châu kiên cường bất khuất, xứng đáng là “ vị anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập”, tiêu biểu cho khí phách dân tộc Việt Nam.  **I. Trong lòng mẹ ( Nguyên Hồng )**  - Kể lại quãng đời tuổi thơ cay đắng của bé Hồng khi phải sống với bà cô cay nghiệt, nhưng dù trong cảnh ngộ xa mẹ, cậu bé ấy vẫn có được sự tỉnh táo để hiểu mẹ, yêu thương mẹ vô bờ và có một niềm khao khát cháy bỏng được sống trong tình mẹ.  **II. Tôi đi học ( Thanh Tịnh )**  - Bằng giọng văn giàu chất thơ, chất nhạc, ngôn ngữ tinh tế và sinh động, tác giả đã diễn tả những kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên. Đó là tâm trạng bỡ ngỡ mà thiêng liêng, mới mẻ mà sâu sắc của nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đi học.  **III. Tức nước vỡ bờ ( Trích “Tắt đèn” – Ngô Tất Tố )**  \_ Chị Dậu ân cần chăm sóc người chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế.  \_ Chị Dậu dũng cảm đương đầu với bọn cai lệ tay sai để bảo vệ chồng trong cơn nguy cấp.  **IV. Lão Hạc ( Nam Cao )**  - Truyện kể về lão Hạc, một người nông dân già, mất vợ, nghèo khổ, sống cô độc, chỉ biết làm bạn với con chó vàng. Con trai lão vì nghèo không lấy được vợ nên phẫn chí bỏ đi làm đồn điền. Lão Hạc ở nhà chờ con trở về, ra sức làm thuê để sống. Sau một trận ốm, lại gặp năm thiên tai, mất mùa, không đủ sức làm thuê, vì hết đường sinh sống, lão đành bán con chó vàng, mang hết tiền bạc cùng mảnh vườn gửi lại cho ông giáo trông coi hộ để về giao lại cho con trai. Rồi đến bước cùng quẫn, lão ăn bả chó để tự tử, chết một cái chết thật đau đớn, dữ dội.  **VI. Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác ( Phan Bội Châu )**  - Người cách mạng quan niệm: con đường cứu nước là chông gai là gian khổ đòi hỏi sự quyết tâm không ngừng nghỉ. Do đó chuyện ở tù đối với họ chỉ là chặng nghỉ chân trên con đường cách mạng mà thôi.  *“Chạy mỏi chân thì hãy ở tù”*.  - Tác giả nêu cuộc đời sóng gió riêng của mình gắn với tình cảnh chung của đất nước của người dân giúp ta cảm nhận đầy đủ hơn tầm vóc lớn lao phi thường của người tù yêu nước. Đó là nỗi đau lớn trong tâm hồn bậc anh hùng Nhưng ở đây PBC nói không phải để than thân trách phận mà nói để khẳng định thêm ý chí chiến đấu của mình.  - Đây là khẩu khí của bậc anh hùng hào kiệt. Cho dù ở trình trạng bi kịch nào thì chí khí vẫn không thay đổi. Vẫn một lòng theo đuổi sự nghiệp cứu nước, vẫn có thể ngạo nghễ cười trước mọi thủ đoạn của kẻ thù.  - Khẳng định tư thế hiên ngang của con người đứng cao hơn cái chết, khẳng định ý chí thép gang mà kẻ thù không thẻ bẻ gãy. Con người ấy còn sống là còn chiến đấu, còn tin vào sự nghiệp chính nghĩa của chính maình. vì thế không sợ bất kỳ một thử thách gian lao nào.  **VII. Đập đá ở Cô Lôn. ( Phan Châu Trinh )**  ***1. Nội dung:***  - Hình ảnh người tù với công việc lao động khổ sai, cực nhọc.  - Hình tượng người anh hùng trong cảnh nguy nan.  ***2. Nghệ thuật:***  - Xây dựng hình tượng nghệ thuật có tính chất đa nghĩa.  - Sử dụng bút pháp lãng mạn, thể hiện khẩu khí ngang tàng, ngạo nghễ và giọng điệu hào hùng.  - Sử dụng thủ pháp đối lập, nét bút khoa trương góp phần làm nổi bật tầm vóc khổng lồ của người anh hùng, cách mạng.  **VIII. Ông đồ ( Vũ Đình Liên )**  ***1. Nội dung:***  - Khung cảnh mùa xuân năm xưa và mùa xuân hiện tại  - Sự mai một những giá trị truyền thống là vấn đề của đời sồng hiện đại được phản ánh trong những lời thơ tự nhiên và đầy cảm xúc.  ***2. Nghệ thuật:***  - Viết theo thể thơ ngũ ngôn hiện đại.  - Xây dựng những hình ảnh đối lập. Phép nhân hoá.  - Kết cấu giản dị, hàm xúc, đầu cuối tương ứng. Kết hợp giữa biểu cảm với kể, tả.  - Lựa chọn lời thơ gợi cảm xúc.  **IX. Nhớ rừng ( Thế Lữ )**  ***1. Nghệ thuật:***  - Sử dụng bút pháp lãng mạn, với nhiều biện pháp nghệ thuật như nhân hoá, đối lập, phóng đại, sử dụng từ ngữ gợi hình, giàu sức biểu cảm.  - Xây dựng hình tượng nghệ thuật có nhiều tầng ý nghĩa.  - Có âm điệu thơ biến hoá qua mỗi đoạn thơ nhưng thống nhất ở giọng điệu dữ dội, bi tráng trong toàn bộ tác phẩm.  ***2. Nội dung:***  - Hình tượng con hổ được khức hoạ rõ nét, cụ thể trong hoàn cảnh bị giam cầm, nhớ rừng, tiếc nuối những tháng ngày sống giữa đại ngàn hùng vĩ đồng thời bộc lộ lời tâm sự của thế hệ trí thức những năm 1930  **XI. Quê hương (Tế Hanh)**  ***1. Nghệ thuật:***  - Sáng tạo nên những hình ảnh của cuộc sống lao động thơ mộng.  - Tạo liên tưởng, so sánh độc đáo, lời thơ bay bổng, đầy cảm xúc.  - Sử dụng thể thơ 8 chữ hiện đại có những sáng tạo mới mẻ, phóng khoáng.  ***2. Nội dung:***  Lời kể về quê hương làng biển và nỗi lòng của tác giả khôn nguôi về quê hương  **XII. Khi con tu hú (Tố Hữu )**  ***1. Nghệ thuật:***  - Viết theo thể thơ lục bát, giàu nhạc điệu, mượt mà, uyển chuyển.  - Lựa chọn lời thơ đầy ấn tượng để biểu lộ cảm xúc khi thiết tha, khi lị sôi nổi, mạnh mẽ.  - Sử dụng các biện pháp tu từ điệp ngữ, liệt kê… vừa tạo nên tính thống nhất về chủ đề văn bản, vừa thể hiện cảm nhận về sự đối lập về niềm khao khát sự sống đích thực, đầy ý nghĩa với hiện tại buồn chán của tg vì bị giam hãm trong nhà tù thực dân.  ***2. Nội dung:***  Khi con tu hú thể hiện cảm nhận của nhà thơ về hai thế giới đối lập: cái đẹp, tự do và cái ác, tu ngục.  **XIII. Tức cảnh Pác Bó – Ngắm trăng ( Hồ Chí Minh )**  **1. Tức cảnh Pác Bó**  ***a. Nghệ thuật:***  - Có tính chất ngắn gọn, hàm xúc.  - Vừa mang đặc điểm cổ điển, truyền thống vừa có tính chất mới mẻ, hiện đại.  - Có lời thơ bình dị pha giọng vui đùa, hóm hỉnh.  - Tạo được tứ thơ độc đáo, bất ngờ và sâu sắc.  ***b. Nội dung:***  - Hiện thực cuộc sống của Bác Hồ ở Pác Bó còn nhiều gian khổ, thiếu thốn.  - Sự nghiệp lớn dịch sử Đảng đòi hỏi phải có niềm tin vững chắc, không thể lay chuyển.  - H/ả nhân vật trữ tình hiện lên giữa thiên nhiên Pác Bó mang vẻ đẹp của người chiến sĩ cách mạng với phong thái ung dung, tự tại.  **2. Ngắm trăng**  ***a. Nghệ thuật:***  - Sự đối sánh tương phản giữa nhà tù và cái đẹp, ánh sáng và bóng tối nhà tù, vầng trăng và người nghệ sĩ lớn, thế giới bên trong và ngoài nhà tù có tác dụng thể hiện sức hút của những vẻ đẹp khác nhau của bài thơ, thể hiện sự hô ứng, cân đối.  ***b . Nội dung***  - Trong tù thiếu thốn nhiều thứ, nhưng ở đây tác giả chỉ nhắc đến hai thứ ***rượu*** và ***hoa.*** Vì đó là những thứ mà tao nhân mặc khách thường có bên mình mỗi khi thửơng lãm vẻ đẹp chị Hằng.  - Trong tù người tù ở đây tư cách một *thi nhân*  - Trước cảnh đêm trăng đẹp, nhân vật trữ tình ở hoàn cảnh oái oăm: thêm bối rối xốn xang vì thiên nhiên quá đẹp, quá lộng lẫy, còn thi sĩ không được tự do và không có rượu và hoa để xứng với trăng..  - Dù xúc động và bối rối, nhưng nhà thơ vẫn chủ động đến với vừng trăng. Không rượu, hoa và không tự do. Song không vì thế mà tình yêu trăng bị ảnh hưởng. Nhà thơ vẫn chủ động hướng ra song sắt nhà tù đến với trăng.  - Trong bài thơ này quan hệ giữa người và trăng là quan hệ bình đẳng gần gũi. Trăng có vẻ đẹp của trăng, người có vẻ đẹp của tâm hồn. Trăng vượt song sắt nhà tù không ngắm tù nhân hay lung nhân (người bị giam) mà ngắm *thi gia.* Đây là giây phút thăng hoa tỏa sáng trong tâm hồn Bác tự xưng mình là thi gia. |

**IV . C ủng c ố :**

**\*** GV củng cố , khái quát lại nội dung của buổi học.

**V . Hướng dẫn HS về nhà :**

\* Đọc ôn tập những kiến thức về “Phong cách ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.”

**Tuần 2 ,Buổi 1+ Buổi 2** :

**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ VÀ CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ**

**I. Mục tiêu bài học**

**\_** HS ôn tập, hệ thống lại các kiến thức đã học về các biện pháp tu từ trong trương trình ngữ văn 7.

\_ Biết vận kiến thức đã học vào thực tiễn giao tiếp và cuộc sống hàng ngày.

**II. CHUẨN BỊ**

Gv: Tham khảo tài liệu ,soạn giáo án

Tích hợp một số văn bản đã học

Hs: Ôn tập lại kiến thức

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**1. Ổn định**

**2. Bài cũ**

**3. Bài mới**

***\*Giới thiệu bài***

***\*Tiến trình hoạt động***

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần I : Kiến thức cũ**  Hãy ghi lại những điệp ngữ được sử dụng trong các bài thơ, đoạn thơ sau: **cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Tiếng gà trưa.**  - Cho biết các điệp ngữ đó thuộc cấp độ nào và dạng điệp ngữ gì?  - Phân tích tác dụng của các điệp ngữ đó  **Phần II: Kiến thức mở rộng** | **I. Điệp ngữ**  **1. Các cấp độ của điệp ngữ**  ***a. Điệp từ***  Một từ được lặp đi lặp thì gọi là điệp từ  VD:  Anh đi anh ***nhớ*** quê nhà  ***Nhớ*** canh rau muống ***nhớ*** cà dầm tương  ***Nhớ*** ai dãi nắng dẫm sương  ***Nhớ*** ai tát nước bên đường hôm nao  (Ca dao)  ***b. Điệp ngữ***  Việc lặp đi lặp lại một cụm từ thì gọi là điệp ngữ  VD:  ***Buồn trông*** cửa bể chiều hôm  Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa  ***Buồn trông*** ngọn nước mới xa  Hoa trôi man mác biết là về đâu  (Nguyễn Du)  ***c. Điệp câu***  Việc lặp đi lặp lại một câu gọi là điệp câu  VD: Câu *Tiếng gà trưa* trong bài thơ cùng tên  ***d. Điệp đoạn***  Một đoạn văn, thơ nào đó được lặp lại gọi là điệp đoạn  VD:  Chú bé loắt choắt  Cái xắc xinh xinh  Cái chân thoăn thoắt  Cái đầu nghênh nghênh  (Tố Hữu)  -> Được lặp lại ở đầu và cuối bài thơ Lượm  ***e. Điệp cấu trúc cú pháp***  Việc lặp đi lặp lại một kiểu câu nào đó gọi là điệp cấu trúc cú pháp.  VD:  - Tre anh hùng lao động. Tranh hùng chiến đấu.  - Tôi yêu....  - Tôi yêu  (SG tôi yêu- Minh Hương)  **1. Các dạng điệp ngữ**  ***a. Điệp ngữ cách quãng***  Các từ ngữ được lặp lại đứng ở vị trí cách xa nhau gọi là điệp ngữ cách quãng  Khăn thương nhớ ai  Khăn rơi xuống đất?  Khăn thương nhứ ai  Khăn vắt lên vai?  Khăn thương nhớ ai  Khăn chùi nước mắt?  ***b. Điệp ngữ nối tiếp***  Là các từ ngữ được lặp lại đứng cạnh nhau, nối tiếp nhau  Câu thơ nghĩ đắn đo không viết  Viết đưa ***ai, ai*** biết mà đưa  (Nguyễn Khuyến)  ***Dậy mà đi! Dậy mà đi!***  Đừng tiếc nữa, can chi tiếc mãi  (Tố Hữu)  ***c. Điệp ngữ vòng***(Chuyển tiếp)  Từ ngữ ở cuối câu trước được lặp lại ở đầu câu sau  VD:  Cảnh khuya như vẽ người ***chưa ngủ***  ***Chưa ngủ*** vì lo nỗi nước nhà  **3. Tác dụng của điệp ngữ**  - Nội dung cần diễn đạt trở nên ấn tượng hơn, mới mẻ hơn, nhấn mạnh sắc thái ý nghĩa, làm nổi bật những từ ngữ chuyên chở suy nghĩ, cảm xúc của người nói, người viết, khiến cho lời nói đi vào lòng người, ấn tượng hơn.  - Tạo nhịp điệu, tính nhạc cho câu văn, câu thơ.  ***\* Sử dụng:***  - Trong giao tiếp hàng ngày  - Trong văn chương nghệ thuật  - Trong văn chính luận và cả trong ngôn ngữ khoa học  **4. Bài tập**  **Bài “Tiếng gà trưa”**  - Điệp câu:Tiếng gà trưa  + Dạng: Cách quãng  + Tác dụng: Như một sợi dây nối liền quá khứ và hiện tại  - Điệp từ: nghe, vì  + Dạng điệp ngữ: Cách quãng  + Tác dụng: nhấn mạnh sự cảm nhận âm thanh tiếng gà của người lính và mục đích chiến đấu của người cháu-> Tình yêu nước bắt nguồn từ tình yêu gia đình, xóm làng.  **Bài “Cảnh khuya”**  Câu “Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”  - Điệp từ: Lồng  + Dạng điệp ngữ: Điệp ngữ cách quãng  + Tác dụng: Nhờ việc lặp lại từ lồng, cảnh đêm trăng trở nên sinh động, ấm áp hơn, mở ra không gian nhiều chiều gợi ên bức tranh khuya lung linh, huyền ảo.  Câu: Cảnh khuya như vẽ người ***chưa ngủ***  ***Chưa ngủ*** vì lo nỗi nước nhà  - Điệp ngữ: chưa ngủ  - Dạng điệp ngữ: Chuyển tiếp  - Tác dụng: Đưa người đọc đến với một khám pháp bất ngờ, thú vị: Bác Hồ chưa ngủ không chỉ vì cảnh đêm trăng quá đẹp mà còn vì Bác lo việc nước->Tình yêu thiên nhiên và tình yêu Tổ quốc hài hoà trong tâm hồn Bác.  **Bài “Rằm tháng giêng”**  Câu: “***Xuân*** giang ***xuân*** thuỷ tiếp ***xuân*** thiên”  - Điệp từ: xuân  - Dạng điệp ngữ: Cách quãng  - Tác dụng: Diễn tả sức sống của mùa xuân lan toả bao trùm cả vũ trụ rộng lớn bao la.  **II. Chơi chữ**  **1. Các lối chơi chữ**  ***a. Chơi chữ đồng âm***  Hiện tượng sử dùng một những từ có âm thanh giống nhau nhưng có nhiều ý nghĩa khác nhau trong cùng một ngữ cảnh.  ***b. Chơi chữ điệp âm gồm***: lặp phụ âm đầu, lặp vần, lặp thanh điệu…  - Lặp phụ âm đầu:  *Thẳng thắn, thật thà, thì thua thiệt*  *Lọc lừa, lươn lẹo, lại lên lương*  *- Chờ chồng chơi chốn chùa chiền*  *Chanh chua chuối chát, chính chuyên chờ chồng*  - Lặp thanh điệu:  *Nàng ơi, tay đêm đương giăng mềm*  *Trăng đan qua cành muôn tơ êm*  *Mây nhung pha màu thu trên trời*  *Sương lam phơi màu thu muôn nơi*  ***c. Chơi chữ nói lái***  Mỗi âm tiết gồm ba bộ phận: phụ âm đầu, vần, thanh điệu. Sự thay đổi vị trí của chúng ở hai âm tiết lái tạo nên cách nói lái  *VD1: Anh về câu rạo anh đi*  *Mai sau trải lẹ, ta thì kết đôi*  - Câu rạo: Cạo râu  - Trải lẹ: trẻ lại  *VD2*  *Một chữ anh cũng thi, hai chữ anh cũng thi*  *May ra đậu trạng, dẫu rớt đi cũng ông nghè hồi.*  - Nghè hồi: Chỉ ông tiến sĩ trở về  - Ngồi hè: Ngồi xó hè vì thi hỏng  ***d. Chơi chữ đồng nghĩa***  Sử dụng các từ có âm thanh khác nhau nhưng ý nghĩa giống hoặc gần giống nhau  VD: *Nửa đêm, giờ tí, canh ba*  *Vợ tôi, con gái, đàn bà, nữ nhi*  (Ca dao)  ***e. Chơi chữ trái nghĩa***  Bao gồm việc sử dụng từ trái nghĩa, tổ hợp hình ảnh đối lập nhau về nghĩa  VD: Tục ngữ có các câu:  *- Tẩm ngẩm mà đấm chết voi*  *- Khôn nhà, dại chợ*  *- No bụng đói con mắt*  *- Cũ người mới ta*  ***g. Chơi chữ sử dụng từ nhiều nghĩa***  Theo cách này có hai hình thức chơi chữ:  ***\*. Từ nhiều nghĩa xuất hiện nhiều lần trong cùng một ngữ cảnh***  VD  *Ngỗi buồn ta lại viết thư chơi*  *Viết bức thư này gửi trách ai*  *Ai những nhớ ai, ai chẳng nhớ,*  *Để ai luống những nhớ ai hoài*  (Tản Đà)  Từ ***ai*** xuất hiện ở 6 vị trí với hai nét nghĩa riênng:  + Từ ***ai2***và ***ai5***: chỉ ngôi thứ nhất(chủ thể tâm trạng)  + ***Ai1,3,4,6***: chỉ ngôi thứ hai(đối tượng của tâm trạng)  ***\*. Từ nhiều nghĩa chỉ xuất hiện một lần trong một ngữ cảnh nhất định***  VD:  *Chồng người vác giáo săn beo*  *Chồng em vác đũa săn mèo khắp mâm*  (Ca dao)  - Săn1: đuổi bắt thú  - Săn2: chỉ thói tham ăn  ***h. Chơi chữ cùng trường nghĩa***  Là dùng các từ ngữ chỉ sự vật có quan hệ gần gũi nhau  VD:  *Chàng Cóc ơi! Chàng Cóc ơi!*  *Thiếp bén duyên chàng có thế thôi*  *Nòng nọc đứt đuôi từ đay nhé*  *Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi*  (Hồ Xuân Hương)  ***i. Chơi chữ bằng cách tách và ghép các yếu tố trong câu theo những trật tự ngữ pháp khác nhau***  VD:  *- Có tôn có tổ, có tổ có tôn, tôn tổ tổ tôn, tôn tổ cũ.*  *- Còn nước còn non, còn non còn nước, nước non non nước, nước non nhà*.  **2. Bài tập**  Chỉ ra những từ ngữ được dùng để chơi chữ trong các vd sau và cho biết đó là lối chơi chữ nào? Tác dụng là gì?  a.  Trăng bao nhiêu tuổi trăng già  Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non  b.  Mang theo một cái phong bì  Trong đựng cái gì, đựng cái đầu tiền!  c. Chuồng gà kê sát chuồng vịt  d.  Còn trời, còn nước, còn non  Còn cô bán rượu anh còn say sưa  e.  Cóc chết để nhái mồ côi,  Chẫu ngồi chẫu khóc: chàng ơi là chàng!  g.  Con cò ăn bãi rau răm  Đắng cay chịu vậy đãi đằng cùng ai  h.  Bao giờ thong thả lên chơi nguyệt  Nhớ hái cho xin nắm lá đa  (Hồ Xuân Hương)  \* Gợi ý:  a.  + Núi- non: chơi chữ đồng nghĩa  + Già - non: chơi chữ trái nghĩa  b  + Đầu tiên- tiền đâu: chơi chữ nói lái  c.  + Gà- kê: chơi chữ đồng nghĩa  (Kê là yếu tố HV có nghĩa là gà)  d. Say sưa: Chơi chữ dùng từ nhiều nghĩa  + Yêu thích cái đẹp, cảnh đẹp của thiên nhiên(trời, non nước)  + Say mê sắc đẹp, vẻ duyên dáng của cô hàng rượu  e.  - Chàng1: con chẫu chàng  - Chàng2: đại từ chỉ người thanh niên  => Chơi chữ nhiều nghĩa  g. đắng cay- rau răm: Chơi chữ cùng trường liên tưởng(rau răm khiến ta nghĩ đến đắng cay. Đắng cay nghĩ đến rau răm)  ở đây rau răm hiểu theo nghĩa ẩn dụ chỉ hoàn cảnh sống khắc nghiệt của con cò, đắng cay là chỉ những thua thiệt, tủi nhục của kiếp con cò.  h. nguyệt- lá đa: Chơi chữ cùng trường liên tưởng. Cây đa có chú cuội ngồi dưới gốc trên cung trăng, ý chỉ sự dối trá, lừa lọc: nói dối như cuội  **I. Nói giảm, nói tránh**  1. ***Định nghĩa***:  Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển.  2. ***Tác dụng của nói giảm nói tránh***:  \_ Tránh cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề.  ***Ví dụ*** :  *Cha nó* ***chết****, mẹ nó* ***lấy chồng khác***. (Cảm giác đau buồn ).  \_ *Cha nó* ***mất****, mẹ nó* ***đi bước nữa***. ( Tránh cảm giác quá đau buồn ).  3. ***Các cách nói giảm nói tránh***:  **a. Sử dụng từ đồng nghĩa, đặc biệt là các từ Hán Việt.**  Chẳng hạn:  + *chết: từ trần, tạ thế, quy tiên,...*  + *chôn: mai táng, an táng,...*  ***Ví dụ***:  *Ông cụ đã* ***chết*** *rồi*.  => *Ông cụ đã* ***quy tiên*** *rồi*.  **b. Dùng cách nói phủ định từ trái nghĩa**.  Chẳng hạn:  *Xấu: chưa đẹp, chưa tốt,...*  ***Ví dụ***:  *Bài thơ của anh* ***dở*** *lắm*.  => *Bài thơ của anh* ***chưa được hay*** *lắm*.  **c. Dùng cách nói vòng:**  ***Ví dụ***:  *Anh còn* ***kém lắm***.  => *Anh* ***cần phải cố gắng hơn nữa***.  **d. Dùng cách nói trống (tỉnh lược).**  ***Ví dụ*** :  *Anh ấy* ***bị thương nặng*** *thế thì không* ***sống*** *được lâu nữa đâu chị ạ*.  => *Anh ấy (...) thế thì không (...) được lâu nữa đâu chị ạ*.  4. ***Các trường hợp sử dụng nói giảm nói tránh***:  \_ Khi muốn tránh cảm giác đau buồn, ghê sợ, thô tục, thiếu lịch sự.  ***Ví dụ***:  *Anh áy bị* ***thổ huyết***. (Tránh cảm giác ghê sợ )  \_ Khi muốn tôn trọng người đối thoại với mình ( người có quan hệ thứ bậc xã hội, tuổi tác cao hơn)  ***Ví dụ***:  *Khuya rồi, mời bà* ***đi nghỉ***.  \_ Khi muốn nhận xét một cách tế nhị, lịch sự, có văn hoá để người nghe dễ tiếp thu ý kiến góp ý.  ***Ví dụ***:  *Bài thơ của anh* ***chưa được hay lắm***.  5. ***Các tình huống không nên nói giảm nói tránh***:  \_ Khi cần phê bình nghiêm khắc, nói thẳng, nói đúng mức độ sự thật.  \_ Khi cần thông tin chính xác, trung thực.  6. ***Cảm thụ cái hay (giá trị nghệ thuật ) của cách nói giảm nói tránh trong tác phẩm văn học***:  \_ Đặt nó trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể (quan hệ thứ bậc xã hội, tuổi tác, tâm trạng của người nói, người nghe,...).  \_ Xem xét trong văn bản, tác giả đã tạo ra phép nói giảm nói tránh bằng những từ ngữ nào, bằng cách nào.  \_ Đối chiếu với những cách nói thông thường có thể dùng trong trường hợp giao tiếp đó để thấy được tác dụng của cách diễn đạt này và dụng ý của tác giả.  **II. Nói quá**  1. ***Định nghĩa***:  Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả so với hiện thực khách quan.  2. ***Tác dụng của nói quá***:  \_ Trước hết nói quá có chức năng nhận thức, làm rõ hơn bản chất của đối tượng. Nói quá không phải là nói sai sự thật, nói dối. Đây là một biện pháp tu từ.  ***Ví dụ***:  *Trên đầu những rác cùng rơm*  *Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu*.  ( Ca dao )  => Cách nói này nhằm biểu hiện một sự thật: Sự đam mê mù quáng đã làm cho con người nhìn nhận sự việc không chính xác, thậm chí làm cho người ta nhìn nhận, suy nghĩ, hành động khác hẳn mọi người.  \_ Nói quá còn có tác dụng nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.  ***Ví dụ***:  *Chí ta lớn như biển Đông trước mặt*.  ( Tố Hữu )  => Sức mạnh của cách nói quá ở đây chính là gây được ấn tượng, xúc cảm về ý chí, về quyết tâm giải phóng đất nước của nhân dân ta.  3. ***Các trường hợp sử dụng nói quá***:  \_ Nới quá thường được dùng trong thơ văn châm biếm, trào phúng.  ***Ví dụ***:  *Lỗ mũi mười tám gánh lông*  *Chồng yêu chồng bảo tơ hồng trời cho*.  ( Ca dao )  \_ Nói quá cũng có thể gặp trong văn thơ trữ tình, để nhấn mạnh mức độ tình cảm.  ***Ví dụ***:  *Bát cơm chan đầy nước mắt*  *Bay còn giằng khỏi miệng ta*.  ( Nguyễn Đình Thi )  \_ Trong lời nói thường ngày, cũng có những cách nói quá để khẳng định một điều nào đó.  ***Ví dụ***:  *Nhớ, nhớ. Chết xuống đất cũng không quên*.  ( Nguyễn Địch Dũng )  4. ***Phân biệt nói quá và nói khoác***:  \_ Giống nhau:  Nói quá và nói khoác cùng là phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng.  \_ Khác nhau:  + Nói quá là nói để gây ấn tượng, gây chú ý, để làm nổi rõ một khía cạnh nào đó của đối tượng được nói đến.  + Nói khoác nhằm mục đích cho người nghe tin vào những điều không có thức.  ***Ví dụ***:  \_ *Có sức người sỏi đá cũng thành cơm* ( Nói quá ).  \_ *Nó có thể biến hòn đá kia thành một bát cơm nóng và một khúc cá kho thơm phức* (Nói khoác ).  \_ *Tay người như có phép tiên – Trên tre nứa cũng dệt nghìn bài thơ* ( Nói quá ).  \_ *Nó sáng tác được một nghìn bài thơ trong vòng nửa tiếng đồng hồ* ( Nói khoác ). |

**IV . C ủng c ố :**

**\*** GV củng cố , khái quát lại nội dung của buổi học.

**V . Hướng dẫn HS về nhà :**

\* Đọc ôn tập những kiến thức về “Ôn tập về văn bản biểu cảm.”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 3, Buổi 1+2**

**ÔN TẬP VỀ VĂN BIỂU CẢM**

**I. Mục tiêu bài học**

**\_** HS ôn tập, hệ thống lại các kiến thức đã học về văn biểu cảm trong trương trình ngữ văn 7.

\_ Biết vận kiến thức đã học vào thực tiễn giao tiếp và cuộc sống hàng ngày.

**II. CHUẨN BỊ**

Gv: Tham khảo tài liệu ,soạn giáo án

Tích hợp một số văn bản đã học

Hs: Ôn tập lại kiến thức

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**1. Ổn định**

**2. Bài cũ**

**3. Bài mới**

***\*Giới thiệu bài***

***\*Tiến trình hoạt động***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nhắc lại khái niệm về văn biểu cảm?***  Các em cần phân biệt thái độ, tình cảm “tự nhiên” trong cuộc sống hàng ngày với thái độ tình cảm trong văn chương. Không phải mọi thái độ, tình cảm của con người có trong cuộc sống đều trở thành tình cảm trong văn chương.  ***Để có một bài văn biểu cảm hay trước tiên người viết cần có được điều gì?***  ***Thái độ, tình cảm trong văn biểu cảm cần phải ntn?***  ***Hãy đọc các đoạn văn sau và xác định tình cảm của người viết được bộc lộ với đối tượng nào, cách biểu hiện ra sao?***  a. ...Cảm ơn đất Mẹ. Dù ở đâu, miền Nam hay miền Bắc, Người đều cho chúng con hoa thơm, trái ngọt. Và, hằng ngày, trong cuộc sống đời thường từ hoa trái, chúng con lại thấy Người...  b. ...Năm tháng đi và sẽ còn đi qua mãi. Tình yêu của tôi đối với hoa hồngnhung lúc nào cũng tinh khôi như buổi đầu đời ấu thơ, như tình yêu của tôi với nhưng rang cổ tích, với ông nội kính yêu, thật tuyệt vời của tôi...  Viết một đoạn văn biểu cảm về một lài hoa mà em yêu thích(Khoảng 15-20 câu)  ***Nhắc lại các bước làm một bài văn biểu cảm?***  Bốn bước. Các bước phải nuôi dưỡng nguồn cảm xúc mạnh mẽ và sâu sắc coi như động mạch của bài văn biểu cảm  ***Muốn tìm ý ta phải làm ntn?***  ***Có mấy cách biểu cảm? Đó là những cách nào?***  ***Bố cục của bài văn có mấy phần?***  ***Có mấy cách mở bài?***  ***Thế nào là mở bài gián tiếp, trực tiếp?***  ***Thân bài có nhiệm vụ gì? Phải làn ntn?***  ***Kết bài nêu những gì?***  Một bài văn biểu cảm chỉ thật sự có giá trị khi tình cảm và tư tưởng hoà quyện với nhau chặt chẽ. Cảm xúc phải chân thực, trong sáng, tư tưởng phải tiến bộ, đúng đắn. Câu văn, lời văn, giọng văn phải biểu cảm  a.Đọc lại bài văn SGK- 89  b.Mở bài của bài văn biểu cảm về loài hoa:  Tôi yêu hoa từ nhỏ.  ***Bài văn trên mở bài bằng cách nào?***  Cho đề bài: *Cảm nghĩ về người thân*  Hãy viết phần mở bài cho đề bài trên theo hai cách.  -HS làm heo hướng dẫn của GV  a.Đoạn văn biểu cảm sau đây được lập ý bằng cách nào?  *“...Các bạn yêu mùa thu, mùa xuân, mùa hè với nhiều lí do khác nhau. Riêng tôi, tôi lại yêu mùa đông. Vì sao thế nhỉ? Tôi yêu mùa đông trước hết vì nhờ mùa đông, tôi sung sướng được sống nhiều hơn trong tình mẹ. Mỗi buổi sáng mùa đông thức dậy, tôi đã thấy mẹ chuẩn bị đầy đủ cho tôi. Nhớ nhất lúc mẹ khoắc và cài khuy áo rét cho tôi. Mẹ thường âu yếm ôm vai tôi và nói “Con trai của mẹ đã lớn, cái áo này ngắn rồi”. Ôi, mùa đông, mùa của tình mẹ.!”*  b.Viết một đoạn văn biểu cảm về một trong bốn mùa ở nước ta. Lập ý theo một trong các cách sau:  - Quan sát và suy ngẫm  - Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại    ***Bố cục của bài văn biểu cảm về một tác phẩm văn học có mấy phần?***  ***Phần mở bài giới thiệu ntn?***  ***Nhiệm vụ của phần thân bài là gì?***  ***Kết bài khẳng định lại điều gì?***  Phát biểu cảm nghĩ về tình bạn trong bài Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến  Dựa vào hướng dẫn ở trên lập dàn ý chi tiết-> viết bài hoàn chỉnh  Học sinh dựa vào dàn ý vừa lập để viết bài hoàn chỉnh.  Từng em trình bày bài viết của mình, cả lớp lắng nghe -> nhận xét -> giáo viên nhận xét và sửa chữa  Hãy tưởng tượng mình là nhân vật trữ tình trong bàiTiếng gà trưa của Xuân Quỳnh viết một bài văn diễn tả những cảm xúc của anh khi nghe tiếng gà.  Học sinh làm bài theo các thao tác cơ bản đã hướng dẫn  GV đọc bài văn tham khảo ?  GV cho HS nhắc lại dàn ý chung của bài văn biểu cảm, nhấn mạnh khắc sâu cho HS nhớ.  GV hướng dẫn HS lập dàn ý.    GV nhắc lại nội dung chính của các tác phẩm.  GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho một số đề bài.  GV cho HS độc lập làm việc, gọi HS trình bày dàn ý, lớp nhận xét.  GV nhận xét và bổ sung thống nhất dàn ý chung cho tác phẩm.  - GV hướng dẫn HS viết đoạn văn.  - Đoạn văn mở bài yêu cầu đảm bảo 3 ý: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, cảm nhận chung về tác phẩm.  - GV cho HS làm từng đề một, gọi HS trình bày bài, lớp nhận xét, GV sửa chữa những sai sót về hình thức, nội dung bài viết.  - Gv cho HS nhắc lại nội dung chính của văn bản,.  - Cho HS lập dàn ý, GV cho lớp thống nhất dàn ý, sau đó cho các em viết bài.  - VG thu bài HS chấm, mỗi đề ( 8 – 10 em).  GV giao bài tập cho các em về nhà làm.  GV gợi ý cho các em lập dàn ý, HS theo dàn ý | **I. Thái độ, tình cảm trong văn biểu cảm**  **A. Lý thuyết**  - Phải có những tình cảm tốt đẹp mới có thể viết được một bài văn biểu cảm :  + T/ C phải cao thượng, thấm nhuần tư tưởng nhân văn, dân chủ, tiến bộ, yêu nước, hiên nhiên...  + Phải tuyệt đối chân thành, không được giả dối.  **B. Bài tập**  ***Bài 1***  a.  - Đối tượng được biểu cảm là những mảnh đất có hoa thơm, trái ngọt của Tổ quốc  - Cách biểu cảm: gián tiếp nói lên tình yêu quê hương, đất nước.  b.  - Đối tượng được biểu cảm: tuổi ấu thơ, trang cổ tích, ông nội  - Cách biểu cảm: Gián tiếp qua hoa hồng nhung, nói lên tình cảm gắm bó với người ông.  ***Bài 2***  - Làm rõ thái độ, tình cảm của mình với laòi hoa:  + Yêu quý, gắn bó, trân trọng, chăm sóc, nâng niu...  + Loài hoa gắn với kỉ niệm nào? Về ai?...  **II. Phương pháp làm bài văn biểu cảm**  **A. Lý thuyết**  ***1. Phương pháp tìm ý***  - Hình dung cụ thể đối tượng biểu cảm(cảnh vật, con người, hay sự việc) trong thời gian, không gian, nói lên những cảm xúc, ý nghĩ của mình qua các đối tượng đó. Nghĩa là phải biểu cảm qua tự sự- miêu tả.  ***2. Các cách biểu cảm***  - Trực tiếp:  + Bộc lộ qua tiếng kêu, lời than: Ôi, đẹp quá! Khổ quá!  + Qua các từ ngữ trực tiếp gọi tên tình cảm đó: yêu, ghét, nhớ, mong...  - Gián tiếp: Thông qua việc tả- kể một hình ảnh, sự vật nào đó để bộc lộ tình cảm  ***3. Bố cục***  ***\* Mở bài***:  - Trực tiếp: giới thiệu luôn về đối tượng được biểu cảm  - Gián tiếp: Có thể giới thiệu về sự vật, cảnh vật trong không gian cảm xúc ban đầu của mình để làm cơ sở để nêu ra đối tượng được biểu cảm  ***\* Thân bài***: qua miêu tả, tự sự mà biểu lộ tình cảm, ý nghĩ một cách cụ thể, chi tiết, sâu sắc  - Những chi tiết tự sự- miêu tả trong bài phải phải tiêu biểu và có giá trị biểu cảm  - Có thể biểu cảm bằng cách: hồi tưởng quá khứ, liên hệ tương lai, hứa hẹn, mong ước, quan sát và suy ngẫm  - Diễn đạt bằng lời văn giàu hình tượng và gợi cảm  ***\* Kết bài***: Kết đọng cảm xúc, ý nghĩ hoặc nâng lên bài học tư tưởng.  **B. Bài tập**  ***Bài 1***  a. Mở bài gián tiếp: thông qua lời kể, tâm sự -> bày tỏ tình yêu quê  b. Mở bài trực tiếp: Giới thiệu luôn tình cảm của mình với đối tượng được biểu cảm  ***Bài 2***  - Trực tiếp:  + Cha là một trong những người tôi yêu thuơng và kính trọng nhất nhà.  + Mẹ là nhười không thể thiếu trong cuộc đời tôi.  - Gián tiếp:  + Chúng tôi nghe cô giáo tâm sự: Lúc còn nhỏ tuổi, bố cô ở nhà, thì chẳng có chuyện gì xảy ra. Bố cô vừa đi công tác, tối hôm ấy, bọn trộm đã đến rình rập, làm lũ gà trong chuồng cứ lục đục kêu...Tôi chưa thấm thía câu chuyện của cô giáo về vai trò của người cha lắm. Bởi vì cha tôi cứ đi là từ sáng sớm đến tối mịt mới về, khi ấy gia đình tôi ấm cúng, hạnh phúc lắm. Thế mà có một lần, cha tôi đi công tác xa, ba năm liền. Thời gian ấy, tôi thấy gia đình trống trải vô cùng.  + Bố tôi là một người nghiêm khắc và ít nói. Vì vậy, trong nhà, tôi sợ bố nhất. Nhưng mối khi đi xa thì bố lại là người tôi nhớ nhất.  ***Bài 3***  Đoạn văn được lập ý bằng cách hồi tưởng quá khứ  **III. Các kỹ năng cơ bản khi biểu cảm về một tác phẩm văn học**  **A. Cách xây dựng dàn ý**  ***1. Mở bài***: có thể mở bài theo những cách sau:  - Giới thiệu chung giá trị ND- NT của tác phẩm và ấn tượng của em về tác phẩm đó.  - Giới thiệu về tác giả, dẫn dắt đến tác phẩm và bày tỏ tình cảm chung của em với tác phẩm đó  - Giới thiệu về hoàn cảnh tiếp xúc với tác phẩm: được học, hay đọc ở đâu khi nào và ấn tượng của em về tác phẩm đó ra sao.  ***2.Thân bài***: Những cảm xúc, suy nghĩ do tác phẩm gợi lên  - Lựa chọn những chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, đặc sắc của tác phẩm.  - Hình dung, tưởng tượng các chi tiết đó kèm theo những cảm xúc cụ thể của em  - Những chi tiết, hình ảnh đó gợi cho em liên tưởng hay hỗi tưởng điều gì  - Trình bày những suy nghĩ của em về đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm: cách dùng từ, cách sử sụng các biện pháp tu từ tạo ra hiệu quả nghệ thuật cao.  ***3. Kết bài***: Khẳng định lại ấn tượng chung của em về tác phẩm đó  **B. Bài tập**  ***1. Dàn ý***  ***\* Mở bài***: giới thiệu và nêu cảm nghĩ của em về bài thơ  ***\* Thân bài***: Nêu những suy nghĩ và cảm xúc của em về bài thơ, trên cơ sở phân tích giá trị nội dung- nghệ thuật của nó.Cần lưu ý các ý sau:  - Đây là một bài thơ hay của NK về tình bạn. Ông đã tạo ra một tình huống hết sức đặc biệt: Lâu lắm rồi, người bạn già mới đến thăm, vậy mà “Trẻ *thời đi vắng, chợ thời xa*…”. lẽ ra bạn đến chơi phải tiếp bạn đầy đủ để thể hiện lòng hiếu khách của chủ nhà. Nhưng với NK lúc bấy giờ, trong nhà thứ gì cũng có nhưng đều không dùng được  - Câu cuối bài cân bằng lại: hàng loạt cái không có nhưng duy nhất một thứ có, đó là tình bạn chân thành, thắm thiết, cảm động và sâu sắc.  - Ngôn ngữ thơ giản dị mà điêu luyện, tinh tế. Tác giả đã khéo léo tạo nên cái chông chênh để đẩy lên cái cao trào, cân bằng lại ở câu cuối. Những hình thức xã giao bị bóc dần để cuối cùng thể hiện một chữ tình tươi đẹp.  ***\* Kết bài***: Những suy nghĩ của em về bài thơ và tác giả của bài thơ đó  ***2. Đọc bài văn mẫu***  ***3. Viết bài***  ***4. Sửa bài***  **IV. Các thao tác cơ bản khi biểu cảm về một tác phẩm văn học**  **1. Các thao cơ bản**  - Phát biểu cảm nghĩ phải rất cụ thể:  - Nhân vật, hình ảnh, chi tiết nào, câu thơ nào làm ta yêu thích hay xúc động  - Phải chỉ ra được lí do mình yêu thích các chi tiết, hình ảnh đó  - Nghĩa là phải phân tích và trích dẫn (là thao tác cơ bản nhất khi phát biểu cảm nghĩ):  - Có lúc phải khen, có lúc phải chê. Nhưng khen, chê trên cơ sở chân lí, không phải tuỳ tiện  - Phải biết liên tưởng, so sánh:  + Liên tưởng và so sánh: Từ hiện tượng này mà nghĩ mà nhớ đến hiện tượng khác. VD; Từ trái đào vườn nhà mà so sánh với đào Sa Pa…, từ câu thơ này mà so sánh với câu thơ khác, để rút ra cái hay riêng, làm cho bài viết vừa rộng, vừa sâu.  - Muốn bày tỏ tình cảm phải thông qua miêu tả và tự sự  **2. Luyện tập**  ***Yêu cầu và một số lưu ý khi làm bài:***  - Giới thiệu về tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ.  - Nắm được nội dung bài thơ:Viết về những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ và tình bà cháu. Từ đó đã khơi dậy những tình cảm gia đình, quê hương, đất nước.  - Nắm được đặc sắc NT: Viết theo thể thơ năm chữ, cách diễn đạt tự nhiên, hình ảnh bình dị, thân thuộc.  - Cảm hứng được khơi nguồn từ sự việc: Trên đường hành quân của người chiến sĩ, nột tiếng gà đã gợi nhớ bao kỉ niệm êm đẹp. Quá khứ, kỉ niệm gợi lên theo âm thanh của tiếng gà  **V. Rèn luyện kĩ năng viết bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học.**  **A. Dàn ý chung của bài văn biểu cảm.**  1,*Mở bài:*  - Giới thiệu tác giả: Nét tiêu biểu về tác giả.  - Giới thiệu tác phẩm, hoàn cảnh ra đời...  - Nêu cảm nghĩ chung về tác phẩm: Ấn tượng,cảm xúc sâu sắc về tác phẩm.  2*, Thân bài*:  Lần lượt trình bày cảm xúc, suy nghĩ do tác phẩm gợi ra.  - Cảm nhận về các sự việc (hình ảnh) trong tác phẩm.  - Cảm nhận về từng câu thơ, hoặc khổ thơ.  3*, Kết bài:* Ấn tượng chung về tác phẩm.  **B. Luyện lập dàn ý**  Phát biểu cảm nghĩ về các tác phẩm văn học sau:  - Cuộc chia tay của những con búp bê.  - Cảnh khuya.  - Rằm tháng giêng.  - Tiếng gà trưa.  *1, Cuộc chia tay của những con búp bê.*  a*, Mở bài:*  - Giới thiệu tác phẩm, tác giả: Truyện ngắn Cuộc ...bê,của Khánh Hoài đạt giải nhì cuộc thi viết về thiếu nhi do viện khoa học giáo dục và tổ chức cứu trợ trẻ em Thuỵ Điển tổ chức năm 1992.  - Cảm nghĩ chung về tác phẩm: Nội dung truyện đề cập đến những vấn đề bức xúc của gia đình và xã hội đó là nạn li hôn dẫn tới sự tan vỡ và nỗi bất hạnh của trẻ em.  *b, Thân bài:*  \* Nỗi khổ tâm của Thành Thuỷ khi bố mẹ chia tay nhau.  - Thành đău đớn khi nghĩ đến truyện phải chia tay với em.  + Suốt đêm nghe tiếng khóc tức tưởi cuả thuỷ Thành phải cắn chặt môi để khỏi bật ra tiếng khóc.  + Chua chát nghĩ rằng cảnh vật vẫn vui tươi như mọi ngày mà sao tai hoạ lại dáng xuống đầu hai anh em nặng nề như vậy.  + Những kỉ niệm đẹp đẽ của tình anh em hiện lên trong tâm trí làm Thành đău đớn vô cùng.  + Phải chia đồ chơi Thành nhường đồ chơi tất cả cho em.  - Thuỷ: Tủi thân là hoảng sợ trước cảnh ngộ của gia đình.  + Biết tin bố mẹ li hôn Thuỷ khóc suốt đêm.  + Nghe mệ lệnh chia đồ chơi Thuỷ run lên, kinh hoàng.  + Giận dữ khi thấy anh đặt 2 con búp bê sang 2 bên.  + Thương anh nhường cả búp bê cho anh.  \* Ao ước của hai anh em Thành Thuỷ.  - Mãi mãi được sống bên nhau cùng cha mẹ, dưới mái ấm ra đình.  - Mong muốn 2 con búp bê không phải chia tay nhau.  c*, Kết bài:*  Truyện khặng định li hôn li hôn là vấn đề nhức nhối gây ra hậu quả đau lòng mà con cái phải gánh chịu.  - Truyện là lời nhắc nhở mọi người gia đình là tổ ấm hạnh phúc vô cùng quí giá, mọi người phải giữ gìn.  2, **Bài: Cảnh khuya** ( Theo SGK).  3, **Rằm tháng giêng.**  a, Mở bài:  - Bài thơ Rằm tháng giêng viết năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang ở giai đoạn khó khăn và quyết liệt.  - Cảnh đẹp đêm rằm xuân đã khơi gợi cảm hứng cho thi sĩ, sau khi dự hội nghị qua trọng trở về.  b, Thân bài:  - Hình ảnh vầng trăng tròn toả khắp bầu trời, mặt đất trong đêm rằm gợi cảm xúc lâng lâng thanh thoát.  - Bài thơ như vẽ ra một khung cảnh thiên nhiên cao rộng bát ngát, tràn đày ánh sáng và sức sống của mùa xuân.  - Bức tranh thiên nhiên càng tươi tắn đậm đà bởi từ xuân điệp lại ba lần.  - Hình ảnh con thuyền chở đầy ánh trăng lướt trên dòng sông lấp lánh mang vẻ đẹp lãng mạn tượng trưng cho tình thế lạc quan cách mạng và lòng người đầy vui vẻ tin tưởng.  c, Kết bài:  - Bài thơ góp phần khẳng định: HCT là một lãnh tụ cách mạng tài ba vừâ là nghệ sĩ có tâm hồn và trái tim nhảy cảm.  **C. Luyện viết đoạn văn**  1, Đoạn văn mở bài  a, Cuộc chia tay của những con búp bê.  Cuộc chia tay của những con búp bê là truyện ngắn cảm động đã được trao giải nhì trong cuộc thi thơ văn viết về quyền trẻ em do Viện khoa học giáo dục và tổ chức cứu trợ trẻ em Thuỵ Điển tổ chức năm 1992.Truyện đã phê phán những bậc cha mẹ thiếu trách nhiệm với con cái, truyện ca ngợi tình cảm trong sáng vị tha của 2 đứa trẻ, đồng thời thể hiện nỗi đau xót bất hạnh của những đưa trẻ chẳng may rơi vào hoàn cảnh bất hạnh.  b, Rằm tháng giêng.  Vào những năm 1948 khi công cuộc kháng chiến  thực dân Pháp đang ở giai đoạn khó khăn quyết liệt, tuy công việc bề bộn nhưng cảnh đẹp của đêm rằm đầu xuân đã khơi gợi nguồn cảm hứng cho thi sĩ. Sau khi dự một hội nghị quan trọng, Bác trở về trên một con thuyền lướt đi phơi phới, chở đầy ánh trăng giữa cảnh trời nước bao la cũng ngập tràn ánh trăng,  2, *Đoạn văn phần thân bài*  - HS tự viết bài.  3, Viết đoạn văn kết bài  a, Cuộc chia tay của những con búp bê.  Cuộc chia tay của những con búp bê phản ánh khá sinh động hoàn cảnh đáng thương của những em bé chẳng may rơi vào hoàn cảnh éo le. Cuộc chia tay đau đớn đầy cảm động của 2 anh em trong truyện khiến người đọc thấm thía rằng: Gia đình là tổ ấm hạnh phúc vô cùng quí giá nên mọi người phải cố gắng và giữ gìn. Bài học mà truyện đặt ra có ý nghĩa giáo dục không chỉ với các em nhỏ mà còn cho tất cả các bậc làm cha, làm mẹ. Truyện có một sức truyền cảm khá mạnh, khiến người đọc thực sự xúc động.  b, Rằm tháng giêng.  Bài thơ là một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp và thơ mộng trên sông nước đã gây nhiều cảm hứng cho người đọ. Tâm hồn của Bác là tâm hồn thi sĩ luôn chan hoà với thiên nhiên, đất nước. Tuy vậy Bác vẫn luôn chăm lo cho nước nhà cho vận mệnh của đất nước.  3. Viết đoạn kết bài: GV hướng dẫn HS viết.  **D. Luyện tập viết bài văn.**  **Bài 1**:Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê.  \* Lập dàn bài:  a, Mở bài:  - Trần Nhân Tông là vị vua nổi tiếng nhân ái, yêu dân, yêu nước.  - Ông đã cùng vua cha(Trần Thánh Tông) và các tướng lĩnh tài banhư Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải...lãnh đạo nhân dân ta mấy lần đánh bại qân xâm lược Nguyên Mông.  - Bài Thơ Buổi...ra được nhà vua sáng tác trong lần về thăm quê nội Thiên Trường (Nam Định), sau khi nước nhà giải phóng. Nội dung ca ngợi khung cảnh thiên nhiên nông thôn thơ mộng và cuộc sống thanh bình của nhân dân.  b, Thân bài:  - Tả cảnh làng quê lúc hoàng hôn, sương, khói như bao phủ khắp thôn xóm, vạn vật thấp thoáng ẩn hiện như có, như không. Bức tranh nông thôn với màu sắc, đường nét nhẹ nhàng, thanh thoát.  - Hình ảnh giản dị quen thuộc nhưng rất gợi cảm (thôn, xóm, sương, khói, bóng chiều).  Hai câu cuối:  - Vẫn tiếp tục tả cảnh: Tiếng sáo mục đồng réo rắt, đàn trâu đã về nhà hết từng đôi cò trắng nghiêng cánh liệng trên cánh đồng lúa xanh.  - Cảm xúc xốn xang, rạo rực trong lòng nhà thơ - Một vị vua có tâm hồ thi sĩ, xuất thân từ nông thôn, gắn bó máu thịt với quê hương và dân chúng.  c, Kết bài:  - Bài thơ ngắn gọn hàm xúc nhưng xứng đáng là thơ của muôn đời.  - Vẻ đẹp giản dị, tinh tế của nó để lại dấu ấn khó phai trong lòng người đọc.  \* Viết bài: HS làm bài tại lớp  **Bài 2:** Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương.  *\* Dàn ý:*  . Mở bài  - Giới thiệu tác giả: Hồ Xuân Hương là nữ thi sĩ nổi tiếng của nước ta cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Bà đã gửi gắm vào thơ những điều suy tư trăn trở trước hiện thực phức tạp của xã hội phong kiến.  - Giới thiệu tác phẩm, ấn tượng cảm xúc chung về bài thơ: **Bánh trôi nước** là một trong những bài thơ vịnh vật xuất sắc của Hồ Xuân Hương, mượn hình ảnh bánh trôi tác giả kín đáo phản ánh thân phận phụ thuộc và phẩm giá cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam.  b. *Thân bài:*  - Bài thơ miêu tả quá trình làm bánh trôi nước, bánh hình tròn, làm bằng bột nếp, nhân bằng đường đỏ luộc trong nước sôi, chìm nổi vài lần là chín  - Mượn đặc điểm trên bài thơ miêu tả vẻ đẹp, số phận của người phụ nữ Việt Nam  + Vẻ đẹp hình thể: Đẹp trong trắng, dịu dàng, thuỳ mị “Thân em...tròn”.  + Số phận long đong chìm nổi của người phụ nư VN, sống phụ thuộc, không có quyền quyết định cuộc đời mình “Bảy nổi ...non”.  + Vẻ đẹp tâm hồn: sự trong trắng, Thuỷ chung, son sát “Rắn nát mặc ...son”  - Ngôn ngữ thơ bình dị, bài thơ mang nhiều lớp nghĩa, sử dụng thành ngữ, biện pháp tu từ như lời khẳng định phẩm chất trong sach, cao quí của người phụ nữ, lời thách thức đối với thế lực tàn bạo đang chà đạp lên quyền sống và nhâ phẩm của người phụ nữ.  c*. Kết bài*  Bài thơ thể hiện sự trân trọng vẻ đẹp phẩm chất cao quí, sự cảm thương sâu sắc của tác giả đối với người phụ nữ VN ngày xưa.  \* Viết bài: HS tự viết bài.  ***E. Bài tập về nhà:***  **Bài 1:** Phát biểu cảm ngĩ về bài thơ **Bài ca Côn Sơn** của Nguyễn Trãi.  \* Dàn ý:  a, Mở bài:  - Giới thiệu tác giả: Nguyễn Trãi nhà văn, nhà thơ lớn, là vị anh hùng dân tộc tên tuổi gắn liền với cuộc kháng chiến oanh liệt 10 năm cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược.  - Bài ca Côn Sơn được sáng tác khi ông về sống ở ẩn tại quê nhà, bài thơ ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên và thể hiện tâm trạng của nhầ thơ lúc đó.  b, Thân bài:  \* Cảnh đẹp thiên nhiên thơ mộng ở Côn Sơn.  - Miêu tả sự đa dạng phong phú của Côn Sơn bằng giợng thơ sảng khoái đầy tự hào:Con Sơn suối..., Côn Sơn có đá...,  - Sự giao hoà tuyệt đối giữa con người với thiên nhiên: Nghe tiếng suối như tiếng đàn réo rắt, ru dương; ngồi trên đá như ngồi chiếu êm, ngâm thơ nhàn dưới bóng mát của rừng trúc.  \* Hình ảnh và tâm trạng nhà thơ:  - Cốt cách nhà thơ giống như cốt cách cuộc đời ẩn sĩ sống an bần, vui thú vui lâm tuyền, gửi gắm tâm sự vào cỏ cây, hóa lá.  - Nhà thơ cảm nhận thiên nhiên bằng thính giác, thị giắc...và bằng cả trái tim mình.  - Bóng dáng nhà thơ như hoà vào suối, vào thông vào rừng trúc.  - Tiếng ngâm thơ nhàn hoà lẫn vào tiếng suối tạo bản nhạc du dương tuyệt vời.  - Tâm trạng thảnh thơi tạm quên đi những ưu tư, phiền muộn sống chan hoà với thiên nhiên, thực ra nhà thơ vẫn canh cánh nỗi lo dân, lo nước.  c, Kết bài:  - Bài ca Côn Sơn là một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp được vẽ lên bởi một ngòi bút tài hoa và giàu cảm xúc.  - Đọc bài thơ ta càng hiểu rõ hơn tình yêu quê hương đất nước thiết tha của tác giả.  \* HS tự viết.  **Bài 2:** Phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm **Tiếng gà trưa** của Xuân Quỳnh.  \* Dàn bài  a, Mở bài:  - Giới thiệu tác giả: Nhà thơ nữ xuất sắc của nền thơ hiện đạiVN.Thơ Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi bình dị trong đời sống gia đình và cuộc sống thường ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết.  - Giới thiệu tác phẩm: Tiếng gà trưa được viết trong thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc, in trong tập thơ Hoa dọc chiến hào.  - Cảm nhận chung về tác phẩm: Bài thơ gợi lại kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu .  b, Thân bài:  - Bài thơ lấy cảm hứng từ tiếng gà trưa, gợi dậy trong tâm hồn người chiến sĩ những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ  + Hình ảnh người bà kính yêu tần tảo thương cháu hết lòng.  + Hình ảnh chân thực của gia đình quê hương: Ổ rơm hồng những trứng, giấc ngủ hồng sắc trứng.  - Tình yêu gia đình, quê hương, đất nước của người chiến sĩ trẻ: Vì lí tưởng, vì tình xóm làng thân thuộc, vì bà..  c, Kết bài:  - Lòng yêu nước bắt nguồn từ những thứ mộc mạc của mỗi con người.  - Ngôn ngữ giản dị nhưng cảm xúc dạt dào tạo nên vẻ đẹp sâu sắc tự nhiên cho bài thơ.  \* Viết bài: HS về nhà viết. |

**IV . C ủng c ố :**

**\*** GV củng cố , khái quát lại nội dung của buổi học.

**V . Hướng dẫn HS về nhà :**

\* Đọc ôn tập những kiến thức về “Ôn tập về văn bản nghị luận.”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 4, Buổi 1+2**

**ÔN TẬP VỀ VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Mục tiêu bài học**

**\_** HS ôn tập, hệ thống lại các kiến thức đã học về văn nghị luận trong trương trình ngữ văn 7.

\_ Biết vận kiến thức đã học vào thực tiễn giao tiếp và cuộc sống hàng ngày.

**II. CHUẨN BỊ**

Gv: Tham khảo tài liệu ,soạn giáo án

Tích hợp một số văn bản đã học

Hs: Ôn tập lại kiến thức

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**1. Ổn định**

**2. Bài cũ**

**3. Bài mới**

***\*Giới thiệu bài***

***\*Tiến trình hoạt động***

**Phương pháp làm bài văn nghị luận**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **A. Lí thuyết.**  **I- Luận điểm, luận cứ và lập luận:**  **1. Luận điểm**: là ý kiến thể hiện tư tưởng quan điểm trong bài văn nghị luận.  **2. Luận cứ**: là những lí lẽ đẫn chứng làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật tiêu biểu thì luận điểm mới thiết phục.  **3. Lập luận:** Là cách lựa chọn, sắp xếp trình bày luận cứ để dẫn đến luận điểm, lập luận phải chặt chẽ hợp lí,bài văn mới thuyết phục.  \* Ví dụ: Văn bản " chống nạn thất học"  - Luận điểm:  + Một trong những việc cấp tốc phải làm là nâng cao dân trí.  + Mọi người dân Việt Nam phải biết đọc, viết chữ quốc ngữ.  - Luận cứ:  + Tình rạng thất học, lạc hậu trước cách mạng tháng tám 1945  + Những điều kiện cần phải có để người dân tham gia xây dựng nước nhà.  Những khả năng thực tế trong việc chống nạn thất học.  **II. Đề văn nghị luận và việc lập ý cho bài văn nghị luận.**  **1. Tìm hiểu đề văn nghị luận:**  + Đề văn nghị luận nêu ra một vấn đề để bàn bạc và đòi hỏi người viết phải có ý kiến về vấn đề đó.  + Tính chất của đề văn nghị luận như: cac ngợi, phân tích, phản bác…đòi hỏi phải vận dụng phương pháp phù hợp.  + Yêu cầu của việc tìm hiểu đề là xác định đúng vấn đề, phạm vi tính chất của bài nghị luận để làm bài khỏi sai lệch.  **2. Lập ý cho bài văn nghị luận.**  Là xác định luận điểm, luận chứng luận cứ, xây dựng lập luận.  **B. Luyện tập.**  **Bài 1:**  Hãy nêu luận điểm, luận cứ và lập luận trong văn bản " “Lợi ích của việc đọc sách" trong SGK.    **Gợi ý trả lời:**  *1.Luận điểm:* ích lợi của việc đọc sách đối với con người.  *2. luận cứ:*  + Sách mang đến cho con người trí tuệ, hiểu biết vầ mọi mặt (lịch sử, địa lý, văn chương…)  + Sách giúp con người hiểu biết những cái đã qua ( lịch sử dân tộc…) hướng tới tương lai.  +Sách giúp con người thư giãn, thưởng thức trò chơi.  + Sách giúp con người sống đúng, sống đẹp, mang đến cho con người những lời khuyên, những bài học bổ ích.  + Cần biết chọn sách và quí sách và biết cách đọc sách.  *3. Lập luận*  + Để thỏa mãng nhu cầu hưởng thụ và phát triển của tâm hồn, trí tuệ cần phải đọc sách.  + Những ích lợi và giá trị của việc đọc sách.  + Phải biết chọn sách để đọc, biết cách đọc sách.  **Bài 2:** Bài 6 sách các dạng bài tập làm văn và cảm thụ thơ văn lớp 7 (trang 67).  **Bài 3:**  Viết đoạn văn nghị luận từ 10 đến 12 câu bàn về luận đề: Nói chuyện riêng trong giờ học vừa vi phạm nội qui nhà trường, vừa thể hiện hành vi thiếu văn hoá (dự kiến các luận điểm em sẽ sử dụng trong đoạn văn)  **Bài 4:** *Có chí thì nên*  Hãy tìm hiểu đề và lập ý cho đề văn nghị luận trrên.  *1. Tìm hiểu đề:*  - Đề nêu lên vấn đề: vai trò quan trọng của lí tưởng, ý chí và nghị lực  - Đối tượng và phạm vi nghị luận: ý chí, nghị lực.  Khuynh hướng; khẳng định có ý chí nghị lực thì sẽ thành công.  - Người viết phải chứng minh vấn đề.  *2. Lập ý:*  **A. Mở bài**:  + Nêu vai trò quan trọng của lí tưởng, ý chí và nghị lực trong cuộc sống mà câu tục ngữ đã đúc kết.  + Đó là một chân lý.  **B.Thân bài**:  - Luận cứ:  + Dùng hình ảnh " sắt, kim" để nêu lên một số vấn đề kiên trì.  + Kiên trì là điều rất cần thiết đêt con người vượt qua mọi trở ngại  + Không có kiên trì thì không làm được gì  - Luận chứng:  + Những người có đức kiên trì điều thành công.  - Dẫn chứng xưa: Trần Minh khố chuối.  - Dẫn chứng ngày nay: tấm gương của Bác Hồ…  + Kiên trì giúp người ta vượt qua khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua được.  - Dẫn chứng: thấy nguyễn ngọc kí bị liệt cả hai tay…  - Dẫn chứng thơ văn; xưa nay điều có những câu thơ, văn tương tự.  " Không có việc gì khó  Chỉ sợ lòng không bền  Đào núi và lấp biển  Quyết chí ắt làm nên"  Hồ Chí Minh  " Nước chảy đá mòn "  **C. Kết bài**: Mọi người nên tu dưỡng kiên trì.  3. Viết bài: ( HS viết bài) |

**Rèn luyện kĩ năng làm văn nghị luận chứng minh**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. Lí thuyết**  1, Khái niệm văn nghị lụân chứng minh  2, Yêu cầu của bài văn nghị luận chứng minh.  3,Dàn bài chung của bài văn chứng minh.  **II. Luyện tập**  **Bài 1:**  Bằng các bài ca dao đã học và đọc thêm, em hãy chứng minh: Ca dao đã thể hiện rõ tình cảm gia đình sâu sắc của người Việt Nam.  a, Hãy tìm hiểu đề văn trên.  b, Hãy xác lập hệ thống luận điểm, luận cứ cho đề văn trên  **Bài 2:** hãy xây dựng hệ thống luận điểm cho vấn đề nghị luận sau: Lợi của của việc đọc sách  **Bài 3:**  Nhân dân ta thường khuyên nhau:  ***“Có công mài sắt, có ngày nên kim”***  Em hãy chứng minh lời khuyên trên  a, Lập dàn ý cho đề bài trên  b, Viết bài  **Bài 4**:  Nhân dân ta có câu tục ngữ: “***Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”.*** Nhưng có bạn lại bảo: *Gần mực chưa chắc đã đen, gần đèn chưa chắc đã sáng*. Em hãy viết bài văn chứng minh đê thuyết phục bạn ấy theo ý kiến của em.  ***Gợi ý trả lời:***  ***Bài 1:***  a, Tìm hiểu đề:  - Kiểu văn bản: Nghị luận, phương pháp lập luận chứng minh.  - Vấn đề nghị luận: Tình cảm gia đình sâu sắc của người Việt Nam qua ca dao.  - Phạm chứng minh: Ca dao đã học và đọc thêm.  \* Tìm ý:  - Theo trình tự lứa tuổi:  + Từ cao đến thấp: ông, bà, con cháu.  + Từ thấp đến cao: Con cháu, ông bà.  b, Lập dàn ý  \* Mở bài; HS tự làm  \* Thân bài:  - Ca dao thể hiện tình cảm thương nhớ, kính yêu đối với ông bà tổ tiên.  Ngó lên nuộc lạt ....nhiêu  - Ca dao thể hiện tình yêu thương yêu, lòng biết ơn, kính trọng với bố mẹ.  Công cha như núi Thái Sơn.... ........ra.  - Thể hiện tình cảm gia đình, tình cảm vợ chồng.  Râu tôm nấu với ruột bầu.....  - Tình cảm anh em hoà thuận, yêu thương giúp đỡ nhau.  Anh em nào phải người xa.....  ***Bài 2:*** Hệ thống luận điểm  - Sách cung cấp tri thức cho con người  - Sách giup con người thư giản.  - Sách bồi dưỡng tư tưởng tình cảm cho con người.  - Sách giúp con người vượt thời gian, trở về với quá khứ.  ***Bài 3:***  a, Lập dàn ý  \* Mở bài:  - Ai cũng muốn thành công trong công việc và trong cuộc sống.  - Kiên trì là một trong những yếu tố dẫn đến thành công trong cuộc sống.  \* Thân bài:  - Giải nghĩa câu tục ngữ  + Nghĩa đen:Chiếc kim làm bằng thanh sắtnhỏ bé thô sơ nhưng người làm ra nó phải tốn nhiều công sức, thời gian.  + Nghĩa bóng: Muốn thành công con người phải có ý chí, bền bỉ, kiên nhẫn.  - Dẫn chứng từ thực tế cuộc sống:  + Trong khấng chiến: Chiến lược trường kì kháng chiến và đã kết thúc thắng lợi.  + Trong lao động: Nhân dân ta kiên trì đắp đê chống lũ, bảo vệ mùa màng.  + Trong học tập: HS kiên trì học tập suốt 12 năm mới đạt kết quả, tấm gương kiên trì của anh Nguyễn Ngọc Kí.  + Những tấm gương kiên trì của các vân động viên khuyết tật.  \* Kết bài: Giá trị và ý nghĩa câu tục ngữ.  b, Viết bài:  ***Bài 4:***  a, Dàn ý  \* Mở bài  - Môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến đạo đức, nhân cách của con người, nhưng yếu tố con người cũng rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách mỗi cá nhân.  \* Thân bài:  - Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng câu tục ngữ.  - Ý nghĩa câu tục ngữ: Hoàn cảnh sống có ảnh hưởng lớn đến nhân cách con người: hoàn cảnh tốt con nguời sẽ dễ tốt , hoàn cảnh xấu con người dễ bị xấu.  -> Khuyên con người phải chọn bạn mà chơi.  - Ý nghĩa câu nói của bạn:  + Hoàn cảnh sống là thứ yếu.  - Bản lĩnh con người trứớc hòan cảnh sống là quan trọng và mới là quyết định.  - Năng cao mở rộng vấn đề:  + Trong gia đình: Gia đình mà hoà thuận, coi trọng việc giáo dục con, thì con cái sẽ ngoan ngoãn và ngược lại.  + Quan hệ trong xã hội:...  \* Kết bài: Nêu bài học.  b, Viết bài  ***III. bài tập về nhà***  ***Bài 1****:* Nhân dân ta thường nhắc nhở nhau:  Một cây làm chẳng nên non  Ba cây chụm lại nên nòn núi cao.  Từ dẫn chứng trong cuộc sống em hãy làm sáng tỏ câu tục ngữ trên.  ***Bài 2:*** Em hãy dựa vào thực tế đời sống hãy chứng minh cho câu ca dao sau:  Râu tôm nấu với ruột bầu  Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon |

**IV . C ủng c ố :**

**\*** GV củng cố , khái quát lại nội dung của buổi học.

**V . Hướng dẫn HS về nhà :**

\* Đọc ôn tập những kiến thức về “Văn học dân gian Việt Nam.”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 5, Buổi 1**

**VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM**

**I. Mục tiêu bài học**

**\_** HS ôn tập, hệ thống lại các kiến thức đã học về văn nghị luận trong trương trình ngữ văn 7.

\_ Biết vận kiến thức đã học vào thực tiễn giao tiếp và cuộc sống hàng ngày.

**II. CHUẨN BỊ**

Gv: Tham khảo tài liệu ,soạn giáo án

Tích hợp một số văn bản đã học

Hs: Ôn tập lại kiến thức

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**1. Ổn định**

**2. Bài cũ**

**3. Bài mới**

***\*Giới thiệu bài***

***\*Tiến trình hoạt động***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giải thích nghĩa của các câu tục ngữ sau:  1. Có công mài sắt, có ngày nên kim  2. Một điều nhịn là chín điều lành  3. Đông chết se, hè chết lụt  4. Cóc nghiến răng đang nắng thì mưa  5. Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen  6. Thứ nhất thì gỗ vàng tâm, thứ nhì gỗ nghiến, thứ ba bạch đàn.  Sưu tầm một số câu tục ngữ phản ánh kinh nghiệm của ND về các hiện tượng mưa, nắng, bão lụt  Sắp xếp các câu sau vào đúng thể loại tục ngữ , thành ngữ, ca dao | **A. Ca dao – dân ca**  I. **Khái niệm ca dao – dân ca**:  1. **Ca dao, dân ca** là những bài thơ- bài hát trữ tình của quần chúng nhân dân, do nhân dân sáng tác, trình diễn và lưu hành truyền miệng trong dân gian từ đời này qua đời khác.  \_ ***Ca dao***: Là phần lời của bài ca, có thể đọc như đọc thơ trữ tình.  \_ ***Dân ca***: Là phần lời kết hợp với âm nhạc dân gian.  2. **Nội dung**:  \_ Chủ yếu phản ánh tâm tư, tình cảm, khát vọng, nỗi niềm của con người.  **Ví dụ**:  ***Anh đi anh nhớ quê nhà,***  ***Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương,***  ***Nhớ ai dãi nắng dầm sương,***  ***Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao***.  -> Nỗi nhớ quê nhà - nhớ những món ăn bình dị:  + ***Canh rau muống***.  + ***Cà dầm tương***.  Nỗi nhớ quê gắn liền với nỗi nhớ người thương:  + ***Dãi nắng dầm sương***.  + ***Tát nước bên đường***.  \_ Thông thường, trong ca dao thường xuất hiện những loại nhân vật trữ tình sau:  + Trong gia đình: người mẹ, người vợ, người chồng, người con,…  + Trong quan hệ tình bạn, tình yêu: chàng trai, cô gái,…  + Trong quan hệ xã hội: người dân thường, người phụ nữ, người thợ, quan hệ chủ – tớ,…  3. **Nghệ thuật**:  \_ Ngắn gọn nhưng cách phô diễn tình cảm hết sức phong phú: Thường chỉ gồm 2 dòng hoặc 4 dòng.  \_ Thường sử dụng các thể thơ lục bát và song thất lục bát là chính: Chiếm hơn 90%.  \_ Lặp lại là nét đặc đặc trưng tiêu biểu: Lặp lại kết cấu, lặp lại dòng thơ mở đầu, lặp lại hình ảnh truyền thống, ngôn ngữ. Ví dụ:  Lặp lại hình ảnh:  + ***Cây đa cũ, bến đò xưa***  Bộ hành có nghĩa nắng mưa cũng chờ.  + Trăm năm đành lỗi hẹn hò,  ***Cây đa bến cũ, con đò*** khác xưa.  Lặp lại ngôn ngữ:  + ***Ai về*** Hậu Lộc, Phú Điền,  Nhớ đây Bà Triệu trận tiền xung phong.  + ***Ai về*** Gia Định thì về,  Nước trong gạo trắng, dễ bề làm ăn.  \_ Ngôn ngữ vừa giàu chất thơ vừa gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân.  II. **Những chủ đề chính trong ca dao**:  1. **Chủ đề về tình cảm gia đình**:  \_ Các nhân vật trữ tình thường xuất hiện là những người con, người cháu, người vợ, người chồng,… Họ trực tiếp bày tỏ suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của mình về các mối quan hệ trong gia đình. Đó là lòng biết ơn vô hạn đối với công lao trời biển của cha mẹ, là tình cảm dành cho tổ tiên ông bà, là tình anh em keo sơn gắn bó, là nỗi nhớ thương da diết của người con gái lấy chồng xa quê.  \_ Nghệ thuật:  + Cách dùng hình ảnh *so sánh* phong phú, vừa cụ thể, vừa giàu tính gợi hình và biểu cảm.  **Ví dụ1**:  ***Công cha như núi Thái Sơn***  ***Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra***.  **Ví dụ 2**:  ***Ngó lên nuộc lạt mái nhà***  ***Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu***.  + Cách dùng từ ngữ mộc mạc, những hình ảnh gần gũi, thân thiết ( ***cù lao, nuộc lạt, bác mẹ***,…)  + Cách mượn không gian, thời gian để diễn tả tâm trạng con người ( ***chiều chiều, ngõ sau***)  …  2. **Chủ đề về tình yêu quê hương, đất nước, con người**.  \_ Nhân vật trữ tình trực tiếp bày tỏ tình cảm đối với quê hương đất nước. Đó là những danh lam thắng cảnh, những tên núi, tên sông, những vùng địa linh nhân kiệt, những công trình văn hoá, lịch sử nổi tiếng,…ẩn trong mỗi bài ca dao là niềm tự hào dân tộc, là tình yêu tha thiết dành cho quê hương, xứ sở, con người.  **Ví dụ 1**:  ***Đồng Đăng có phố Kì Lừa,***  ***Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh***.  **Ví dụ 2**:  ***Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh,***  ***Nước Tháp Mười lấp lánh cá tôm***.  \_ Nghệ thuật:  + Giọng điệu tha thiết, tự hào.  + Hình thức đối đáp, mời gọi,…  + Dùng từ ngữ địa phương (***vô, ni, tê***,…)  + Các câu hỏi tu từ, các hình ảnh so sánh.  …  3. ***Chủ đề than thân***:  \_ Nhân vật trữ tình thường là người nông dân, người đi ở, người phụ nữ…Họ than cho nỗi cơ cực vì nghèo khổ, đói rách; than cho kiếp đời ở đợ, làm thuê đau đớn, tủi nhục; than cho những thiệt thòi bất hạnh, rủi ro trong cuộc đời. Đó là những lời than đẫm nước mắt, vút lên từ những số phận cay đắng luôn gặp nhiều khó khăn, trắc trở, bị chà đạp, vùi dập xuống tận đáy cùng của xã hội. Có những lúc tưởng chừng như người lao động hoàn toàn tuyệt vọng trước số phận. Thực ra, họ vốn là những con người sống rất lạc quan yêu đời. Vậy mà số phận đã buộc họ phải cất lên những lời than đau đớn, tủi nhục, chua chát, xót xa. Đằng sau lời than ấy là ý nghĩa tố cáo, phê phán chế độ XH phong kiến bất công, vô lí.  \_ Nghệ thuật:  + Dùng khá nhiều nghệ thuật ẩn dụ, mượn hình ảnh những con vật quen thuộc, nhỏ bé, yếu ớt, thiệt thòi (***con cò, con kiến, con tằm, con rùa***,…) để gợi liên tưởng tới thân phận, cuộc đời của con người.  **Ví dụ1**:  ***Con kiến mà leo cành đa***  ***Leo phải cành cộc leo ra leo vào.***  ***Con kiến mà leo cành đào***  ***Leo phải cành cộc leo vào leo ra***.  **Ví dụ 2**:  ***Thương thay thân phận con rùa***  ***ở đình đội hạc, lên chùa đội bia***.  + Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, dùng nhiều hình ảnh gợi cảm (***lận đận, lên thác xuống ghềnh, bể đầy ao cạn, gió dập sóng dồi***,…).  + Sử dụng mô típ quen thuộc: ***Thương thay, Thân em***,…  4. ***Chủ đề châm biếm***:  \_ Nội dung chủ yếu tập trung phơi bày các hiện tượng, các mâu thuẫn ngược đời hoặc phê phán những thói hư tật xấu, những hạng người và những hiện tượng đáng cười trong xã hội.  **Ví dụ**:  ***Bà già đi chợ cầu Đông,***  ***Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?***  ***Thầy bói xem quẻ nói rằng:***  ***Lợi thì có lợi nhưng răng không còn***.  \_ Các nhân vật thường xuất hiện: thầy bói, thầy cúng, thầy phù thuỷ, những người có quyền có chức (cai lệ, lí trưởng, quan lại,…), kể cả những kẻ lười biếng, nghiện ngập trong quần chúng lao động.  \_ Nghệ thuật:  + Những thủ pháp ẩn dụ, tượng trưng.  + Thủ pháp nói ngược.  + Lối nói cường điệu, phóng đại.  …  **B. Tục ngữ**  **1.Tục ngữ là gì?**  - Tục: là thói quen có từ lâu đời  - Ngữ: là lời nói  ***\* Về hình thức***  - Diễn đạt bằng các hình ảnh so sánh: thường có hai vế thông qua các từ ngữ: như, không bằng, hơn…  -> Cách so sánh trong tục ngữ làm cho câu thêm giàu hình ảnh, sinh động, cụ thể người nghe dễ cảm nhận được nội dung.  - Diễn đạt bằng ẩn dụ: làm cho ý nghĩa của câu bóng bẩy hơn, hàm ý sâu sắc, kín đáo hơn. Người nghe có thể vận dụng ở nhiều văn cảnh khác nhau mà vẫn phùhợp  - Mỗi câu tục ngữ là một câu nói diễn đạt một ý trọn vẹn.  - Đặc điểm: ngắn gọn, hàm súc, có kết cấu bền vững, có hình ảnh và nhịp điệu  ***\* Về nội dung***: Tục ngữ thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất, con người và xã hội  - Có những câu tục ngữ chỉ có nghĩa đen nhưng nhiều câu tục ngữ còn có nghĩa bóng  + Nghĩa đen: Là nghĩa trực tiếp, gắn với sự việc và hiện tượng được nói đến trong câu  + Nghĩa bóng: là nghĩa gián tiếp, nghĩa ẩn dụ, biểu trưng được suy ra từ nghĩa đen  ***\* Về sử dụng***: được vận dụng vào mọi hoạt động đời sống để nhìn nhận, ứng xử, thực hành và để làm lời nói thêm sinh động, sâu sắc  ***\* Tri thức*** trong tục ngữ không phải lúc nào cũng đúng, thậm chí có những kinh nghiệm đã lạc hậu  **2. Phân biệt tục ngữ với thành ngữ**  ***\* Giống nhau:***  - Đều là những đơn vị có sẵn trong ngôn ngữ, lời nói  - đều dùng hình ảnh để diễn đạt, dùng cái đơn nhất để nói cái chung nhất  - Đều được sử dụng ở nhiều hoàn cảnh khác nhau trong đời sống  ***\* Khác nhau***:   |  |  | | --- | --- | | Thành ngữ | Tục ngữ | | - Là những đơn vị tương đương như từ, mang hình thức cụm từ cố định  - Có chức năng định danh, gọi tên sự vật, tính chất, trạng thái hay hành động của sự vật hiện tượng  -> Chưa thể coi là câu, là VB | - Là những câu hoàn chỉnh  - Diễn đạt một phán đoán hay kết luận hoặc một lời khuyên  -> Mỗi câu tục ngữ được xem như một VB đặc biệt |   **3. Phân biệt tục ngữ với ca dao**   |  |  | | --- | --- | | Tục ngữ | Ca dao | | - Hình thức: Là câu nói  - Nội dung: Thiên về trí tuệ, diễn đạt kinh nghiệm trong cuộc sống | - Hình thức: Là lời thơ  - Nội dung:Thiên về tình cảm, biểu hiện thế giới nội tâm, của con người |     **4. Bài tập củng cố**  ***Bài 1***  Câu 1:  - Nghĩa đen: mài lâu một thanh sắt to dần dần cũng nhỏ lại  - Nghĩa bóng: Kiên trì thì việc gì cũng thành công  Câu 2:  Mùa đông là mùa khô, trời ít mưa  Mùa hè mưa nhiều dẫn đến lũ  Câu 3: Khi cóc kêu là trời sắp mưa  ***Bài 2***  - Vồng chiều mưa sáng, ráng chiều mưa hôm  - Mống vàng thời nắng, vống trắng thời mưa  - Nắng tháng ba chó gì lè lưỡi  - Mây kéo xuống bể thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như chút  - Trống tháng bảy chẳng hội thì chay  Tháng sáu heo may chẳng mưa thì bão  - Mùa hè đương nắng, cỏ gà trắng thì mưa.  ***Bài 3***  \* Tục ngữ  - ăn quả nhớ kẻ trông cây  - Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân  - Cái nết đánh chết cái đẹp  - Một giọt máu đào hơn ao nước lã  - Bán anh em xa mua láng giềng gần  \* Ca dao  - Sông sông còn có kẻ dò  Lòng người nham hiểm ai đo cho tường  - Rượu nhạt uống lắm cũng say  Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm  - Cá không ăn muối cá ươn  Con cãi cha mẹ trăm đường con hư  - Con người có tổ có tông  Như cây có cội như sông có nguồn  - Mẹ già ở túp lều tranh  Sớm thăm tối viếng mới dành dạ con  \* Thành ngữ  - Tứ cố vô thân  - Đứng núi này trông núi nọ  - Con đàn cháu đống  - Thẳng cánh cò bay  - ăn cháo đá bát |

**IV . C ủng c ố :**

**\*** GV củng cố , khái quát lại nội dung của buổi học.

**V . Hướng dẫn HS về nhà :**

\* Đọc ôn tập những kiến thức về “Ôn tập về thơ ca trung đại Việt Nam và thơ Đường.”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 5, Buổi 2**

**I. Mục tiêu bài học**

**\_** HS ôn tập, hệ thống lại các kiến thức đã học về văn nghị luận trong trương trình ngữ văn 7.

\_ Biết vận kiến thức đã học vào thực tiễn giao tiếp và cuộc sống hàng ngày.

**II. CHUẨN BỊ**

Gv: Tham khảo tài liệu ,soạn giáo án

Tích hợp một số văn bản đã học

Hs: Ôn tập lại kiến thức

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**1. Ổn định**

**2. Bài cũ**

**3. Bài mới**

***\*Giới thiệu bài***

***\*Tiến trình hoạt động***